MỤC LỤC

[DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT 3](#_Toc155080638)

[GIỚI THIỆU CHUNG VỀ TRƯỜNG 5](#_Toc155080639)

[1. Thông tin chung về Trường 5](#_Toc155080640)

[2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của Trường: 5](#_Toc155080641)

[2.1. Khái quát về lịch sử phát triển 5](#_Toc155080642)

[2.2. Các thành tích nổi bật 8](#_Toc155080643)

[3. Cơ cấu tổ chức nhân sự của Trường 9](#_Toc155080644)

[3.1. Cơ cấu tổ chức 9](#_Toc155080645)

[3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của trường 11](#_Toc155080646)

[3.3. Cán bộ, giáo viên và người lao động của nhà trường: 11](#_Toc155080647)

[- Đội ngũ giảng viên kiêm chức: 05 GV 12](#_Toc155080648)

[4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của Trường 12](#_Toc155080649)

[5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính 14](#_Toc155080650)

[5.1. Cơ sở vật chất: 14](#_Toc155080651)

[5.2. Thư viện 14](#_Toc155080652)

[5.3. Tài chính: 14](#_Toc155080653)

[PHẦN II 15](#_Toc155080654)

[KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP 15](#_Toc155080655)

[1. Đặt vấn đề 15](#_Toc155080656)

[1.1. Sự cần thiết của hoạt động tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp 15](#_Toc155080657)

[1.2. Vai trò của hoạt động tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp 16](#_Toc155080658)

[1.2.1. Đối với xã hội, hoạt động tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp mang tính xã hội rất cao, thể hiện ở chỗ: 16](#_Toc155080659)

[1.2.2. Đối với người học 17](#_Toc155080660)

[1.2.3. Đối với nhà trường: 17](#_Toc155080661)

[1.2.4. Đối với cơ quan quản lý các cấp: 17](#_Toc155080662)

[1.2.5. Đối với người sử dụng lao động: 18](#_Toc155080663)

[2. Tổng quan chung 18](#_Toc155080664)

[2.1. Căn cứ tự đánh giá 18](#_Toc155080665)

[2.2. Mục đính tự đánh giá 19](#_Toc155080666)

[2.3. Yêu cầu tự đánh giá 19](#_Toc155080667)

[2.4. Phương pháp tự đánh giá 20](#_Toc155080668)

[2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá 20](#_Toc155080669)

[3. Tự đánh giá 21](#_Toc155080670)

[3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá 21](#_Toc155080671)

[3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn 33](#_Toc155080672)

[3.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, Sứ mạng, Tổ chức và quản lý 33](#_Toc155080673)

[3.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo 44](#_Toc155080674)

[3.2.2. Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động 56](#_Toc155080675)

[3.2.4. Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình 67](#_Toc155080676)

[3.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện 75](#_Toc155080677)

[3.2.6. Tiêu chí 6 : Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế 84](#_Toc155080678)

[3.2.7. Tiêu chí 7 : Quản lý tài chính 86](#_Toc155080679)

[3.2.8. Tiêu chí 8 : Dịch vụ người học 91](#_Toc155080680)

[3.2.9. Tiêu chí 9 : Giám sát, đánh giá chất lượng 96](#_Toc155080681)

[TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GDNN 100](#_Toc155080682)

[PHẦN IV 102](#_Toc155080683)

[KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT 102](#_Toc155080684)

# DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

**Viết tắt Nội dung**

BCH Ban chấp hành

CBGV, CNV Cán bộ giáo viên, Công nhân viên

CBVC&NLĐ Cán bộ viên chức & Người lao động

CBCNVC-GV Cán bộ công nhân viên chức - Giáo viên

CSVC Cơ sở vật chất

CTĐT Chương trình đào tạo

ĐGCL Đánh giá chất lượng

ĐGCLCSGDNN Đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp

GVCN Giáo viên chủ nhiệm

HSSV Học sinh sinh viên

KTX Ký túc xá

LĐTB&XH Lao động Thương binh & Xã hội

NCKH Nghiên cứu khoa học

PCCC Phòng cháy chữa cháy

TC-HC Tổ chức - Hành chính

TTKT&ĐBCL Thanh tra Khảo thí & Đảm bảo chất lượng

PHẦN I

# GIỚI THIỆU CHUNG VỀ TRƯỜNG

# 1. Thông tin chung về Trường

Tên trường: TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT SỐ 1 NGHỆ AN

Tên tiếng Anh: NGHE AN TECHNICAL ECONOMIC COLLEGE N01

Cơ quan chủ quản: Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

Địa chỉ trường: Km số 01 đường Lênin, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An Điện thoại: 0238.605.558  Fax: 0433. 864 111

Website: <http://www.tevc.edu.vn> Email: cdnktkt1na@gmail.com

Năm thành lập trường:

- Năm thành lập đầu tiên: 1992

- Năm nâng cấp thành trường Dạy nghề số 1 Nghệ An: 2002

- Năm nâng cấp thành trường Trung cấp nghề KTKT số 1 Nghệ An: 2006

- Năm nâng cấp thành trường Cao đẳng nghề KTKT số 1 Nghệ An: 2011

- Năm đổi tên trường thành trường Cao đẳng KTKT số 1 Nghệ An: 2017

Loại hình trường: Công lập x Dân lập

# 2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của Trường:

## 2.1. Khái quát về lịch sử phát triển

Trường Dạy nghề số 1 Nghệ An được thành lập theo Quyết định số 2004/QĐ-TLĐ ngày 9 tháng 12 năm 2002 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam trên cơ sở là Trung tâm dạy nghề và giới thiệu việc làm Công đoàn Nghệ An với mục đích đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh và các khu vực lân cận. Trường được nâng cấp thành trường Trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật số 1 Nghệ An theo Quyết định số 1692/QĐ-TLĐ ngày 09 tháng 11 năm 2006. Ngày 25 tháng 5 năm 2011 Trường được Bộ LĐ-TB&XH ra Quyết định số 624/QĐ - BLĐTB&XH nâng cấp thành trường Cao đẳng Nghề Kinh tế - Kỹ thuật số 1 Nghệ An thuộc quản lý của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Với sự đồng thuận và quyết tâm phấn đấu để vượt qua nhiều khó khăn thử thách, nhà trường có đội ngũ cán bộ, GV có năng lực, yêu nghề, tâm huyết với sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp, đặc biệt với sự quan tâm lãnh đạo các cấp, sự gắn kết chặt chẽ của trường với các đối tác trong và ngoài nước, trường đã từng bước đạt được các mục tiêu đề ra, tự hào khẳng định vị trí của mình, đóng góp chung vào sự nghiệp giáo dục của đất nước. Xuất phát từ việc hiểu rõ và nắm bắt nhu cầu đào tạo theo xu thế mới tỉnh cũng như cả nước, trên cơ sở thực tiễn phát triển quy mô, tầm vóc của trường, trường được đổi tên thành trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật số 1 Nghệ An theo Quyết định số 927/QĐ-BLĐTBXH ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Bộ lao động Thương binh & Xã hội cho phù hợp với xu hướng phát triển. Trường có nhiệm vụ chính là đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển thị trường lao động, phục vụ Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá đất nước trong xu thế hội nhập và toàn cầu hoá. Trường có vị trí thuận lợi nằm gần các khu công nghiệp lớn như khu công nghiệp VSIP, khu công nghiệp Nam Cấm, khu Công nghiệp Hoàng Mai, khu công nghiệp Đông Hồi… nên nhu cầu sử dụng lao động, nhất là lao động kỹ thuật đã qua đào tạo rất lớn, bên cạnh đó vị trí địa lý nhà trường nằm gần đường Quốc lộ 1A rất thuận lợi cho giao thông đi lại. Trong những năm qua, nhà trường không ngừng phát triển về cơ sở vật chất, quy mô đào tạo, ngành nghề đào tạo và chất lượng đào tạo. Những năm đầu thành lập, cơ sở vật chất còn thiếu, đội ngũ giáo viên và cán bộ, công nhân viên chỉ có 18 người, với đội ngũ giáo viên trẻ, trình độ chuyên môn và kinh nghiệm còn hạn chế. Đến nay, Trường có 5 phòng chức năng, 6 khoa chuyên môn, 1 ban Tuyển sinh và Kết nối doanh nghiệp với trên 56 CBGV, CNV, đào tạo 09 ngành nghề kinh tế và kỹ thuật (Trong đó: Trình độ Cao đẳng 07 ngành nghề, Trung cấp 06 ngành nghề, Sơ cấp 05 ngành nghề). Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị dạy nghề của trường về cơ bản đã đáp ứng được các ngành nghề mà trường đang đào tạo theo 3 cấp trình độ Sơ cấp nghề, Trung cấp nghề và Cao đẳng nghề; mở rộng liên kết với các trường Cao đẳng và các doanh nghiệp; thực hiện việc đào tạo lao động theo địa chỉ; liên hệ nơi thực tập sản xuất… Cơ sở vật chất, trang thiết bị và chất lượng của đội ngũ giáo viên là hai yếu tố căn bản, là điều kiện để trường phát triển chất lượng dạy nghề. Từ khi đi vào hoạt động (2002) đến nay, trải qua 21 năm xây dựng và phát triển, nhà trường đã dần kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy quản lí; đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên nhà trường cơ bản đảm bảo về chất lượng, hợp lý về cơ cấu có phẩm chất và năng lực để thực hiện tốt quá trình đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội và yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo; các ngành nghề đào tạo, liên kết đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn ngày càng phát triển đa dạng; chất lượng đào tạo không ngừng được nâng cao. Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật số 1 Nghệ An được xác định với sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh và cả nước; liên kết đào tạo; NCKH và chuyển giao công nghệ; hợp tác quốc tế. Sứ mạng của Trường thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với xu hướng, yêu cầu phát triển của đất nước, của ngành đào tạo và nhu cầu xã hội qua từng thời kỳ. Bộ máy nhà trường được tổ chức chặt chẽ, có chương trình kế hoạch và biện pháp thực hiện hiệu quả, đảm bảo nguyên tc thực hiện dân chủ trong đơn vị; giữ gìn sự đoàn kết, nhất trí trong nhà trường; phát huy sức mạnh của tập thể CCVC&NLĐ và học sinh sinh viên. Chi bộ nhà trường thực sự là một tổ chức vững mạnh, thể hiện được vai trò hạt nhân chính trị; đảm bảo nguyên tắc tổ chức hoạt động, tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ phát huy tốt sức mạnh tập thể để hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. Tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên cơ bản đã phát huy được sức mạnh của mình, cùng với chính quyền triển khai hoàn thành những nhiệm vụ chính trị của nhà trường; chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho CCVC&NLĐ để họ yên tâm công tác, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Cơ cấu tổ chức của Nhà trường được thực hiện đúng quy định, có quy chế hoạt động rõ ràng. Để phù hợp hơn điều kiện thực tế về quy mô, nguồn lực và đội ngũ trước đòi hỏi của sự nghiệp Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế; nhằm thực hiện đổi mới toàn diện và sâu rộng mục tiêu, nội dung, mở rộng cơ cấu ngành nghề đào tạo. Trong thời gian qua, trường đã kiện toàn lãnh đạo Ban Giám hiệu, quản lý các phòng, khoa, ban để có thể đảm nhận và hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian trước mắt. Trường chú trọng việc xây dựng quy chế hoạt động và quản lý nhằm đạt hiệu quả công việc cao nhất. Để thực hiện được mục tiêu đào tạo, hàng năm nhà trường đều xác định mục tiêu cụ thể trong các lĩnh vực hoạt động. Mục tiêu của trường được xây dựng và thảo luận rộng rãi trong các đơn vị. Mục tiêu chung của Trường được cụ thể hoá chi tiết bằng các chỉ tiêu và nhiệm vụ kế hoạch hàng năm. Nhiệm vụ của Trường xác định rõ vị thế, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và công bố rộng rãi trên các văn bản Kế hoạch, Quy hoạch, Nghị quyết, trên website của trường để toàn thể CCVC&NLĐ, HSSV biết và thực hiện. Nhiệm vụ được xây dựng phù hợp với chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của tỉnh Nghệ An. Nhà trường đã có những chính sách, biện pháp khuyến khích cán bộ, giảng viên trong công tác NCKH nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả quá trình dạy và học. Chất lượng đào tạo đã ngày càng ổn định và được nâng cao, phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thế giới. Thực hiện hoạt động dạy và học dựa trên mục tiêu, nội dung, chương trình, Trường đã xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo đúng tiến độ và có hiệu quả. Trường đã thực hiện những phương pháp, quy trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, phù hợp với phương thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù của môn học. Đội ngũ quản lý các phòng, khoa, ban luôn có ý thức học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ về mọi mặt. Đội ngũ CCVC&NLĐ có trình độ nghiệp vụ đảm bảo yêu cầu, nhiệm vụ mà nhà trường đề ra theo quy định về biên chế và hoạt động cụ thể của từng bộ phận trong nhà trường. Nhà trường luôn đặc biệt quan tâm tới công tác xây dựng chương trình đào tạo, đề cương chi tiết và biên soạn tài liệu giảng dạy, luôn chú trọng sự kế thừa và cập nhật nội dung mới, có sự tham khảo của các chuyên gia, các trường để chương trình đào tạo được phù hợp với thành tựu mới nhất của khoa học và đảm bảo các quy định của Bộ LĐTB&XH. Hàng năm, chương trình đào tạo được điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện cho phù hợp tình hình thực tế nhu cầu xã hội cũng như trang thiết bị, máy móc và đội ngũ giảng viên nhà trường. Các chương trình hoàn toàn phù hợp với mục tiêu đào tạo của nhà trường và gắn bó mật thiết với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực, nhu cầu học tập của người học và thị trường lao động. Công tác HSSV được nhà trường đặc biệt quan tâm. HSSV được phổ biến đầy đủ về mục tiêu, CTĐT, kế hoạch học tập toàn khoá cũng như các nội quy chế, các văn bản chính sách liên quan đến quá trình học tập. HSSV thuộc diện chính sách xã hội luôn nhận được sự quan tâm của Nhà trường như: thực hiện miễn, giảm học phí, trợ cấp xã hội, hỗ trợ học tập, vay vốn tín dụng... theo quy định của Nhà nước, được ưu tiên bố trí chỗ ở trong ký túc xá, được ưu tiên trong học tập.

## 2.2. Các thành tích nổi bật

- Năm 2002: Với những thành tích đã đạt được, Trường đón nhận Huân chương Lao động hạng ba do Chủ tịch Nước trao tặng;

- Năm 2006: Trường được trao tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

- Năm 2007: Trường đón nhận Huân chương Lao động hạng nhì do Chủ tịch Nước trao tặng và nhận Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ;

- Năm 2011: Trường được nhận cờ thi đua xuất sắc do Liên đoàn Lao động Tỉnh Nghệ An trao tặng

- Năm 2015: Trường đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc do Liên đoàn Lao động Tỉnh Nghệ An trao tặng

- Năm 2016: Trường đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc do Liên đoàn Lao động Tỉnh Nghệ An trao tặng; Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc do Công an Tỉnh Nghệ An trao tặng; Trường được UBND Tỉnh Nghệ An công nhận là Trường đạt chuẩn về an toàn, an ninh trường học.

- Năm 2020: Trường đã tham gia Hội giảng Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp tỉnh Nghệ An và có 02 giáo viên đạt giải: 01 giải 3, 01 giải khuyến khích.

Đoàn thanh niên là đơn vị xuất sắc dẫn đầu Thành đoàn Vinh và được nhận bằng khen của Tỉnh đoàn, Trung ương đoàn.

- Năm 2021: Trường được Ủy ban nhân dân Tỉnh khen thưởng thành tích giải nhất toàn đoàn tại kỳ thi Kỹ năng nghề tỉnh Nghệ An theo Quyết định số 1620/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2021. Có 05 học sinh đạt giải trong Kỳ thi học sinh giỏi Tỉnh (01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba và 01 giải khuyến khích)

Đoàn thanh niên là đơn vị xuất sắc dẫn đầu Thành đoàn Vinh. Năm học 2020 - 2021 Đoàn Thanh niên được nhận giấy khen của Tỉnh đoàn và cá nhân Bí thư đoàn được nhận bằng khen từ Trung ương đoàn.

- Năm 2022: Trường đạt giải khuyến khích Hội thi Thiết bị tự làm của Tỉnh và được Sở Lao động TB&XH cấp giấy khen.

Đoàn Thanh niên được nhận Giấy khen của Thành đoàn Vinh.

- Năm 2023: Tại Hội giảng Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp năm 2023, Trường đã có 01 giáo viên đạt giải nhất nghề Công nghệ ô tô.

Tại Hội thi Kỹ năng nghề tỉnh Nghệ An năm 2023, Trường có 01 học sinh đạt giải nhất nghề May thời trang, 01 giải nhì nghề Công nghệ ô tô, 01 giải nhì nghề Hàn và 01 giải khuyến khích nghề Kỹ thuật chế biến món ăn.

# 3. Cơ cấu tổ chức nhân sự của Trường

## 3.1. Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của trường được hình thành trên cơ sở chức năng nhiệm vụ và được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam phê duyệt, bao gồm:

- Hội đồng trường: 11 người

- Ban giám hiệu: 01 Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng

- 05 khoa chuyên môn: Khoa Khoa học cơ bản, Khoa Du lịch, Khoa Cơ khí động lực, Khoa Điện, Khoa May thời trang

- 05 phòng chức năng: Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Đào tạo, Phòng Tài vụ, Phòng Quản lý học sinh - sinh viên, Phòng Thanh tra, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng.

- 01 Trung tâm tuyển sinh và Kết nối doanh nghiệp

**\* Sơ đồ tổ chức bộ máy**

Chi bộ Trường

Ban Giám Hiệu

Tổ chức công đoàn, Đoàn thanh niên

Hội đồng trường

Cơ khí Động lực

Tổ chức - Hành chính

Đào tạo

Du lịch

Các khoa chuyên môn

Các phòng

chức năng

Thanh tra, Khảo thí & ĐBCL

Điện

Tài vụ

May thời trang

Quản lý HSSV

Khoa học cơ bản

Trung tâm Tuyển sinh và Kết nối Doanh nghiệp

## 3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của trường

| **Các đơn vị, bộ phận** | **Họ và tên** | **Chức danh, học vị, chức vụ** | **Điện thoại, email** |
| --- | --- | --- | --- |
| **1. Ban Giám hiệu** | | | |
| Hiệu trưởng | Nguyễn Cảnh Thịnh | ThS. Hiệu trưởng |  |
| Phó Hiệu trưởng | Trần Ngọc Quang | ThS. P. Hiệu trưởng |  |
| Phó Hiệu trưởng | Ngô Sỹ Thanh Tùng | ThS. P. Hiệu trưởng |  |
| **2. Các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Công đoàn, …** | | | |
| Chi bộ | Nguyễn Cảnh Thịnh | Bí thư chi bộ |  |
| Công đoàn trường | Hồ Xuân Hồng | Chủ tịch CĐ |  |
| Đoàn TNCSHCM | Nguyễn Hải Nam | Bí thư BCH |  |
| **3. Các phòng chức năng** | | | |
| Phòng TC - HC | Hồ Xuân Hồng | CN. PT phòng |  |
| Phòng Đào tạo | Nguyễn Thị Phương Thảo | ThS. Trưởng phòng |  |
| Phòng TTKT & ĐBCL | Lê Thị Quỳnh Hoa | ThS. Trưởng phòng |  |
| Phòng Tài vụ | Hồ Thị Thủy | ThS. Trưởng phòng |  |
| Phòng Quản lý HSSV | Trần Thị Hiền | CN. Trưởng phòng |  |
| **4. Các Khoa** | | | |
| Khoa Cơ khí Động lực | Nguyễn Trọng Thuyên | ThS. Trưởng khoa |  |
| Khoa Điện | Trần Văn Chiến | ThS. Phó khoa |  |
| Khoa Du lịch | Võ Thanh Văn | ThS. Trưởng khoa |  |
| Khoa May | Trần Thị Hồng Thắm | CN. Trưởng khoa |  |
| Khoa Khoa học Cơ bản | Lâm Thị Ngọc Dung | CN. PT Khoa |  |
| **5. Các đơn vị trực thuộc** | | | |
| Ban Tuyển sinh và Kết nối doanh nghiệp | Bùi Quốc Minh | CN. Trưởng ban |  |

## 3.3. Cán bộ, giáo viên và người lao động của nhà trường:

- Tổng số CBCNV trong trường: 47 CBCNV - GV;

- Đội ngũ giảng viên cơ hữu: 25 GV, trong đó:

| **Đội ngũ giảng viên cơ hữu** | | | |
| --- | --- | --- | --- |
| **Trình độ đào tạo** | **Nam** | **Nữ** | **Tổng số** |
| Tiến sỹ | 0 | 0 | **0** |
| Thạc sỹ | 8 | 6 | **14** |
| Đại học | 6 | 2 | **08** |
| Cao đẳng | 0 | 2 | **02** |
| Trung cấp | 0 | 0 | **0** |
| Công nhân bậc 6/6 trở lên |  | 1 | **01** |

# - Đội ngũ giảng viên kiêm chức: 05 GV

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đội ngũ giảng viên kiêm chức** | | | |
| **Trình độ đào tạo** | **Nam** | **Nữ** | **Tổng số** |
| Tiến sỹ | 0 | 0 | **0** |
| Thạc sỹ | 1 | 3 | **4** |
| Đại học | 0 | 1 | **1** |
| Cao đẳng | 0 | 0 | **0** |
| Công nhân bậc 6/6 trở lên | 0 | 0 | **0** |

# 4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của Trường

Trường đào tạo theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề đã được cấp:

+ Giấy chứng nhận số - TCDN ngày 24/06/2013

+ Giấy chứng nhận số - PCTT ngày 17/11/2015

+ Giấy chứng nhận số - PCTT ngày 17/12/2015

+ Giấy chứng nhận số - TCDN ngày 08/05/2017

+ Giấy chứng nhận số 43/2018/GCNĐKHĐ - TCGDNN ngày 15/05/2018

+ Giấy chứng nhận số 43a/2018/GCNĐKHĐ - TCGDNN ngày 06/08/2018

+ Giấy chứng nhận số 43b/2018/GCNĐKHĐ - TCGDNN ngày 07/12/2018

| **TT** | **Mã ngành** | **Tên nghề đào tạo** | **Quy mô Giấy phép** | | | | | | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **2013** | **2015**  **(Đ1)** | **2015**  **(Đ2)** | **2017** | **2018** | **2023** |
| **I.** |  | **Cao đẳng** | **445** | **260** | **260** | **250** | **250** | **410** |  |
| 1. | 6520227 | Điện công nghiệp | 45 | 25 | 25 | 25 | 25 | 50 |  |
| 2. | 6520226 | Điện dân dụng | 45 | 25 | 25 | 25 | 25 | 25 |  |
| 3. | 6510216 | Công nghệ ô tô | 80 | 30 | 30 | 30 | 30 | 60 |  |
| 4. | 6810207 | Kỹ thuật chế biến món ăn | 75 | 30 | 30 | 30 | 30 | 60 |  |
| 5. | 6540205 | May thời trang | 35 | 25 | 25 | 25 | 25 | 50 |  |
| 6. | 6520123 | Hàn | 65 | 25 | 25 | 25 | 25 | 50 |  |
| 7. | 6340302 | Kế toán doanh nghiệp | 100 | 100 | 100 | 90 | 90 | 90 |  |
| 8. |  | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí |  |  |  |  |  | 25 |  |
| **II.** |  | **Trung cấp** | **65** | **320** | **410** | **390** | **390** | **430** |  |
| 1. | 5520227 | Điện công nghiệp |  | 30 | 30 | 30 | 30 | 50 |  |
| 2. | 5520226 | Điện dân dụng |  | 30 | 70 | 70 | 70 | 70 |  |
| 3. | 5510216 | Công nghệ ô tô |  | 60 | 60 | 60 | 60 | 60 |  |
| 4. | 5810207 | Kỹ thuật chế biến món ăn | 30 | 90 | 140 | 120 | 120 | 120 |  |
| 5. | 5540205 | May thời trang | 35 | 50 | 50 | 50 | 50 | 70 |  |
| 6. | 5520123 | Hàn | 60 | 60 | 60 | 60 | 60 | 60 |  |
| **III.** |  | **Sơ cấp** | **305** | **305** | **305** | **0** | **635** | **635** |  |
|  |  | Điện dân dụng | 50 | 50 | 50 |  | 50 | 50 |  |
|  |  | Công nghệ ô tô | 50 | 50 | 50 |  | 50 | 50 |  |
|  |  | Kỹ thuật chế biến món ăn VN | 60 | 60 | 60 |  | 60 | 60 |  |
|  |  | Nghiệp vụ Bàn |  |  |  |  | 80 | 80 |  |
|  |  | Nghiệp vụ Buồng |  |  |  |  | 80 | 80 |  |
|  |  | Nghiệp vụ pha chế đồ uống |  |  |  |  | 60 | 60 |  |
|  |  | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí |  |  |  |  | 60 | 60 |  |
|  |  | Điện ô tô |  |  |  |  | 50 | 50 |  |
|  |  | May thời trang | 65 | 65 | 65 |  | 65 | 65 |  |
|  |  | Hàn | 80 | 80 | 80 |  | 80 | 80 |  |

# 5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

## 5.1. Cơ sở vật chất:

Tổng diện tích đất của Trường: 40.198 m2

- Khu nhà hiệu bộ: 1.275 m2

- Phòng học lý thuyết: 4.354 m2

- Xưởng thực hành: 7.024 m2 (14 xưởng)

- Hội trường: 1.062 m2 ( sức chứa 300 người)

- Thư viện: 249 m2

- Phòng máy vi tính: 50 m2 (02 phòng có 80 máy tính)

- Ký túc xá: 6.195 m2 (52 phòng với 160 giường)

- Nhà ăn: 1.200 m2

- Khu giáo dục thể chất: 20.000 m2

- Các công trình phụ trợ khác:

5.2. Thư viện**:** 01 phòng với tổng diện tích 249 m2

Tổng số lượng đầu sách hiện có: 3.500 loại sách. Trong đó giáo trı̀nh chuyên môn và sách tham khảo: 2.600, số lượng giáo trình do nhà trường tổ chức biên soạn: 140 gồm các nghề: Công nghệ ô tô, Điện công nghiệp, Điện dân dụng, Điện lạnh, Kỹ thuật chế biến món ăn, May thời trang..

5.3. Tài chính:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tổng nguốn kinh phí của trường** | **2021** | **2022** | **2023** |
| **13.299.027.100** | **29.587.086.300** | **28.864.892.541** |
| Ngân sách nhà nước cấp | 11.592.000.000 | 27.228.000.000 | 26.892.000.000 |
| Tổng thu học phí | 1.178.413.900 | 2.043.518.300 | 1.740.530.120 |
| Nguồn khác | 528.613.200 | 315.568.000 | 232.362.421 |

# PHẦN II

# KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

# 1. Đặt vấn đề

## 1.1. Sự cần thiết của hoạt động tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đang là vấn đề thu hút sự quan tâm của nhà quản lý các doanh nghiệp, phụ huynh, cũng như người học và toàn xã hội. Ngày nay xu thế toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng đã và đang tác động mạnh mẽ đến tất cả các lĩnh vực của đời sống, xã hội, xu thế này mang lại cả cơ hội và thách thức đối với không chỉ mỗi quốc gia, mà đối với mỗi cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khiến mức độ cạnh tranh trong lĩnh vực đào tạo nghề ngày càng gay gắt hơn. Theo đó, chất lượng giáo dục và đào tạo trở thành một lợi thế cạnh tranh quan trọng và bền vững đối với mỗi cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp và cao đẳng, nhằm thu hút được người học, tạo ra được nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và của xã hội, giúp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, cao đẳng thực hiện được sứ mệnh, nhiệm vụ, không ngừng tăng trưởng và phát triển bền vững, nâng cao vị thế không chỉ trong nước mà còn trên trường quốc tế.

Tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp là việc đánh giá và công nhận các hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhằm xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục nghề nghiệp đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo các tiêu chí tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp được quy định tại Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và các quy định khác có liên quan, Quyết định số 1229/QĐ-BLĐTBXH ngày 4 tháng 8 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đính chính Thông tư số 15/2017/TTBLĐTBXH quy định tiêu chí, tiêu chuẩn Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp “về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trường cao đẳng”.

Trong lĩnh vực dạy nghề thì tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp là một hoạt động có yêu cầu cao về tính khoa học, khách quan, công bằng, đồng thời bảo đảm tính thiết thực và đúng theo quy định. Cho nên, tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp là một hoạt động không thể thiếu được trong hoạt động quản lý nhà nước về dạy nghề, điều này càng trở nên quan trọng khi Việt Nam tham gia hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt là trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (cách mạng công nghiệp 4.0) đòi hỏi người lao động phải liên tục thay đổi kiến thức và kỹ năng để đáp ứng được các yêu cầu trong môi trường lao động mới. Điều này đặt ra sứ mệnh to lớn đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp là đào tạo đội ngũ nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước. Trong khi đó, chất lượng nguồn nhân lực là vũ khí cạnh tranh quan trọng nhất thì một trong những khâu yếu nhất của giáo dục nói chung và của dạy nghề nói riêng ở nước ta là chất lượng đào tạo chưa đáp ứng kịp thời với xu thế phát triển chung.

Nguyên nhân chủ yếu là do các yếu tố đầu vào và các điều kiện đảm bảo trong quá trình đào tạo như: cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị thực hành, thực tập thiếu, không đáp ứng được nhu cầu dạy và học; một số nội dung chương trình, tài liệu giảng dạy cho một số nghề đang sử dụng trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa kịp thời đổi mới; đội ngũ nhà giáo còn thiếu về số lượng, trình độ tay nghề chưa cao,…Vì vậy việc tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp là một yêu cầu hết sức cần thiết trong giai đoạn hiện nay. Thực hiện tốt và nghiêm túc công tác này sẽ giúp cho cơ sở dạy nghề đánh giá đúng thực lực của mình, đề ra những giải pháp cải thiện và phát triển, đồng thời khắc phục những mặt còn tồn tại, hạn chế.

Tự ĐGCLCSGDNN có vai trò như là một động lực giúp cho nhà trường có điều kiện đánh giá lại mình một cách toàn diện, đầy đủ thông qua việc xem xét và xây dựng báo cáo tự đánh giá, nâng cao năng lực hoạt động của mình để tiến tới góp phần xây dựng nhà trường thành trường chất lượng cao. Bên cạnh đó, thông qua tự ĐGCL, từng thành viên trong nhà trường sẽ tự hoàn thiện những mặt chưa đạt, những điểm yếu, điểm tồn tại để có kế hoạch khắc phục cho phù hợp với thực tế của nhà trường. Vì vậy, tự ĐGCLCSGDNN là một hoạt động không thể thiếu trong hoạt động của nhà trường theo luật Giáo dục nghề nghiệp đã ban hành, đáp ứng được nhu cầu của xã hội ngày nay.

1.2. Vai trò của hoạt động tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp**:**

Hoạt động tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp là một hoạt động có vai trò và ý nghĩa to lớn đối với xã hội, người có nhu cầu học nghề, người dạy nghề, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở sử dụng lao động và cơ quan quản lý nhà nước về dạy nghề. Nói cụ thể hơn, kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vai trò quan trọng

trên các phương diện sau:

## 1.2.1. Đối với xã hội, hoạt động tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp mang tính xã hội rất cao, thể hiện ở chỗ:

Là sự đảm bảo trước xã hội về chất lượng “sản phẩm” của cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc của chương trình giáo dục nghề nghiệp.

Xác nhận chất lượng và hiệu quả đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Là cơ sở cho việc tuyển dụng, xem xét tư cách hành nghề của người học.

Thông qua quá trình tự đánh giá, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp luôn chủ động và có ý thức trong việc không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo của mình để ngày càng tốt hơn.

1.2.2. Đối với người học**:**

Mục đích của các dịch vụ cho người học là nhằm đáp ứng những đòi hỏi, sự ham muốn và phát huy các khả năng tiềm tàng của người học đối với các chương trình giáo dục nghề nghiệp.

Dịch vụ nhân sự cho người học phải xây dựng các chương trình định hướng và lập hệ thống hồ sơ nhân sự phù hợp gồm: dịch vụ tư vấn cá nhân; chương trình định hướng cho HSSV; dịch vụ lưu giữ các hồ sơ của người học; dịch vụ tài chính cho người học; dịch vụ giới thiệu việc làm, ...

Nếu được học, được đào tạo ở những cơ sở giáo dục nghề nghiệp có uy tín và có chương trình giáo dục nghề nghiệp phù hợp đã được khẳng định qua kiểm định chất lượng thì người học sẽ dễ tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm khi ra trường, là tiền đề giúp cho người học được công nhận trong việc hành nghề.

Vì thế, việc tự đánh giá chất lượng sẽ đảm bảo độ tin cậy đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp hay một chương trình giáo dục nghề nghiệp mà người học đó đang theo học, họ có thể yên tâm vì nhu cầu học tập của họ được đáp ứng một cách tốt nhất. Giúp cho người học chuyển đổi việc học tập giữa các trường hoặc được công nhận khi họ có nhu cầu bồi dưỡng, nâng cao trình độ.

## 1.2.3. Đối với nhà trường:

Tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp là sự đảm bảo của nhà trường về chất lượng “sản phẩm” của quá trình đào tạo nghề. Thông qua tự đánh giá chất lượng thì thương hiệu, uy tín của nhà trường sẽ được xã hội biết đến và thừa nhận.

Tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp có vai trò như là một động lực bên trong với sự hỗ trợ, khuyến khích từ bên ngoài giúp nhà trường có điều kiện đánh giá lại mình một cách toàn diện, đầy đủ thông qua việc xem xét và xây dựng báo cáo tự đánh giá, nâng cao năng lực hoạt động của mình để tiến tới xây dựng một cơ sở giáo dục nghề nghiệp có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của xã hội.

## 1.2.4. Đối với cơ quan quản lý các cấp:

Tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp được coi là một công cụ đảm bảo đánh giá một cách khách quan về nhà trường, qua đó phát huy tốt các giải pháp cải tiến, tìm ra các giải pháp khắc phục những mặt tồn tại để nâng cao chất lượng đào tạo.

Việc các cơ quan kiểm định áp dụng các "tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng" sẽ tránh

được những tác động bên ngoài có hại tới uy tín của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Hơn nữa, nếu việc tự kiểm tra, tự đánh giá được tiến hành tốt sẽ thúc đẩy các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cải tiến nhằm nâng cao chất lượng.

## 1.2.5. Đối với người sử dụng lao động:

Người học tốt nghiệp từ các chương trình đào tạo đã được kiểm định chất lượng từ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận "chất lượng" giúp họ yên tâm hơn trong quá trình tuyển dụng lao động.

Giáo dục nghề nghiệp là một hoạt động dịch vụ. Chất lượng hoạt động dịch vụ này không nằm ngoài những vấn đề chung về chất lượng và quản lý chất lượng. Bởi vậy, tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp thông qua việc đánh giá và chứng nhận các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt “chất lượng” là một việc làm cần thiết để hoạt động giáo dục nghề nghiệp đi vào nề nếp, nâng cao chất lượng, đáp ứng ứng cầu đào tạo thông qua đó đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

# 2. Tổng quan chung

## 2.1. Căn cứ tự đánh giá

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 49/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ thông tư số 05/2017/TT – BLĐTBXH ngày 02/3/2017 về việc quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng;

Căn cứ thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Thông tư 10/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng;

Căn cứ thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp; Căn cứ Quyết định số 1229/QĐ-BLĐTBXH ngày 4 tháng 8 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Đính chính Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Nghị định 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;

Thực hiện theo Hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp (Hướng dẫn 23/TCGDNN-KĐCL ngày 26 tháng 1 năm 2018 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp).

Căn cứ công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục

giáo dục nghề nghiệp “về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trường cao đẳng”;

Căn cứ công văn số 406/TCGDNN-KĐCL ngày 26/02/2020 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp “về việc hướng dẫn các trường được hỗ trợ kinh phí thực hiện kiểm chất lượng giáo dục nghề nghiệp từ Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động năm 2020”;

## 2.2. Mục đính tự đánh giá

Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên và HSSV trong toàn trường về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Qua đó huy động tất cả các đơn vị trong toàn trường cùng thực hiện công tác tự đánh giá.

Xác định mức độ đạt được của đơn vị thông qua việc đối chiếu so sánh với các yêu cầu của Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn và chỉ số kiểm định chất lượng Trường.

Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng đã đạt được, đồng thời khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt qua đó giúp cho nhà trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng nhà trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu nhà trường.

## 2.3. Yêu cầu tự đánh giá

Các thông tin, phân tích đánh giá cần rõ ràng, cụ thể, bám sát chức năng của đơn vị, thể hiện sự bình đẳng, khách quan, trung thực và minh bạch trong quá trình tự kiểm định. Các nội dung đánh giá có minh chứng phù hợp để chứng minh.

Ngôn ngữ mô tả dễ hiểu, văn phong rõ ràng, mạch lạc, không có lỗi chính tả và lỗi ngữ pháp.

Đảm bảo đúng thời gian theo kế hoạch.

## 2.4. Phương pháp tự đánh giá

Nghiên cứu bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Xã hội và Quyết định số 1229/QĐ-BLĐTBXH ngày 4 tháng 8 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Đính chính Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Thực hiện theo Hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp (Hướng dẫn 23/TCGDNN-KĐCL ngày 26 tháng 1 năm 2018 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp).

Thực hiện theo công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp “về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trường cao đẳng”.

Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của nhà trường dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp của trường Cao đẳng nghề.

Thu thập báo cáo tự đánh giá của các đơn vị phòng / khoa trong nhà trường. Đánh

giá, xác định mức độ đạt được theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp có liên quan; phân tích, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường.

Phân công các bộ phận thu thập minh chứng.

## 2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

- Xây dựng kế hoạch tự kiểm định của nhà trường và của từng đơn vị trong trường.

- Các đơn vị trong trường thực hiện tự kiểm định. Thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

- Đánh giá, xác định mức độ đạt được theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng có liên quan, phân tích, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân, đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của đơn vị,

- Viết báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của đơn vị và gửi Hội đồng kiểm định Nhà trường.

- Tổ chức quản lý, quy trình cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về các hoạt động của đơn vị.

- Hội đồng kiểm định Trường tổng hợp kết quả kiểm định của các đơn vị, thu thập minh chứng có liên quan theo từng tiêu chí kiểm định và đánh giá mức độ đạt được của từng tiêu chuẩn và viết dự thảo báo cáo tự kiểm định Trường năm 2023.

- Gửi dự thảo báo cáo tự kiểm định Trường đến toàn thể các đơn vị, cá nhân có liên quan để xin ý kiến góp ý.

- Hoàn thiện báo cáo tự kiểm định chất lượng cơ sở dạy nghề, công bố trên các phương tiện thông tin và nộp Tổng cục giáo dục nghề nghiệp.

# 3. Tự đánh giá

## 3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

| **TT** | **Tiêu chí, tiêu chuẩn** | **Điểm chuẩn** | **Trường tự đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Đề xuất kết quả đạt được** |  | Đạt/không đạt chuẩn chất lượng |
|  | **Tổng điểm** | **100** | **96** |
| **1** | **Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý** | **12** | **12** |
|  | **Tiêu chuẩn 1.1:** Mục tiêu và sức mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc áp đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, nghành và được công bố công khai. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 1.2:** Trường hợp thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc nghành để xác định các nghành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 1.3:** Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo qui định. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 1.4:** Hằng năm, các văn bản qui định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 1.5:** Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 1.6:** Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 1.7:** Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 1.8:** Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 1.9:** Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 1.10:** Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 1.11:** Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 1.12:** Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định. | 1 | Đạt |
| **2** | **Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo** | **17** | **17** |
|  | **Tiêu chuẩn 2.1:** Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của tùng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 2.2:** Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 2.3:** Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 2.4:** Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 2.5:** Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành nghề, theo từng học kỳ, năm học. kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 2.6:** Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 2.7:** Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 2.8:** Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 2.9:** Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 2.10:** Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 2.11:** Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, hoạt động giám sát dạy và học. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 2.12:** Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 2.13:** Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 2.14:** Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp đánh giá kết quả học tập, rèn luyện cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 2.15:** Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu thấy cần thiết. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 2.16:** Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 2.17:** Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả. | 1 | Đạt |
| **3** | **Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động.** | **15** | **15** |
|  | **Tiêu chuẩn 3.1:** Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 3.2:** Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 3.3:** Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 3.4:** Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 3.5:** Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 3.6:** Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 3.7:** Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 3.8:** Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 3.9:** Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 3.10**: Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 3.11:** Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 3.12:** Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 3.13:** Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 3.14:** Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 15:** Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ. | 1 | Đạt |
| **4** | **Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình** | **15** | **15** |
|  | **Tiêu chuẩn 4.1:** Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 4.2:** 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 4.3:** Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 4.4:** Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 4.5:** Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động. | 1 | Đạt |
|  | Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 4.7:** Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 4.8:** Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 4.9:** Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 4.10:** Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 4.11:** 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 4.12:** Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 4.13:** Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 4.14:** Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 4.15:** Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định. | 1 | Đạt |
| **5** | **Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện** | **15** | **14** |
|  | **Tiêu chuẩn 5.1:** Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 5.2:** Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 5.3:** Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 5.4:** Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 5.5:** Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 5.6:** Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 5.7:** Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 5.8:** Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 5.9:** Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 5.10:** Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 5.11:** Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hằng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 5.12:** Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 5.13:** Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 5.14:** Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 5.15:** Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo. | 0 | Không đạt |
| **6** | **Tiêu chí 6: Nghiên cứu kế hoạch, chuyển giao công nghệ và hợp tác quan hệ.** | **5** | **5** |
|  | **Tiêu chuẩn 6.1:** Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 6.2:** Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng). | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 6.3:** Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 6.4:** Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 6.5:** Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường. | 1 | Đạt |
| **7** | **Tiêu chí 7: Quản lý tài chính** | **6** | **6** |
|  | **Tiêu chuẩn 7.1:** Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 7.2:** Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 7.3:** Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 7.4:** Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 7.5:** Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 7.6:** Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường. | 1 | Đạt |
| **8** | **Tiêu chí 8: Dịch vụ người học** | **9** | **9** |
|  | **Tiêu chuẩn 8.1:** Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 8.2:** Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 8.3:** Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 8.4:** Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 8.5:** Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 8.6:** Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 8.7:** Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 8.8:** Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 8.9:** Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng. | 1 | Đạt |
| **9** | **Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng.** | **6** | **3** |
|  | **Tiêu chuẩn 9.1:** Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động. | 0 | Không đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 9.2:** Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động. | 0 | Không đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 9.3:** Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường. | 0 | Không đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 9.4:** Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 9.5:** Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 9.6:** Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp. | 1 | Đạt |

## 3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

## 3.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, Sứ mạng, Tổ chức và quản lý

\* Mở đầu:

Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật số 1 Nghệ An được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ tháng 12 năm 2002. Ngay từ khi thành lập, mục tiêu sứ mạng của Trường đã được xác định rõ ràng và nêu trong quyết định thành lập trường. Trong từng giai đoạn phát triển, mục tiêu sứ mạng của Trường được điều chỉnh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của Trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai trên Website của Trường và các phương tiện thông tin đại chúng;

Cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật số 1 Nghệ An phù hợp với mục tiêu phát triển, chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế của trường, đồng thời thực hiện theo đúng quy định trong Điều lệ của trường Cao đẳng do Bộ LĐTB&XH ban hành theo Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH;

Để đảm bảo phát huy được hiệu quả quản lý, nhà trường đã tiến hành xây dựng, thành lập và củng cố cơ cấu tổ chức từ lãnh đạo nhà trường đến các hội đồng tư vấn, các phòng chức năng, bộ phận, bộ môn đến cơ sở thực hành, thực tập cho HSSV. Các phòng, bộ phận, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.

\* Những điểm mạnh

Mục tiêu sứ mạng của Trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành;

Hằng năm, Trường đều thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương và ngành, từ đó xác định các ngành, nghề và quy mô đào tạo phù hợp;

Các phòng, bộ phận, bộ môn trực thuộc Trường phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ và hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả;

Chi ủy trường phát huy được vai trò hạt nhân lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ Đảng và Hiến pháp, pháp luật nhà nước.

Các tổ chức Công đoàn, Đoàn TNCSHCM hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình, là nhân tố quan trọng góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường;

Công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của Trường được thực hiện nghiêm túc hằng năm theo quy định.

\* Những tồn tại

Việc quảng bá sứ mạng của Trường đến các doanh nghiệp và các tổ chức xã hội chưa đa dạng về hình thức;

Việc dự báo nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực của các ngành, nghề đào tạo chưa có chiều sâu và kịp thời;

Nhà trường chưa có nhiều ý kiến đóng góp từ nhiều tổ chức và nhà tuyển dụng bên ngoài tham gia vào góp ý xây dựng nội dung chương trình đào tạo. Công tác điều tra khảo sát để thu thập thông tin về chất lượng đào tạo từ các nhà tuyển dụng và cựu học sinh, sinh viên chưa được thường xuyên.

Mặc dù, bộ phận thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo đã được kiện toàn nhưng còn một số viên chức thiếu kinh nghiệm trong công tác chuyên môn, chưa được tập huấn nghiệp vụ công tác đảm bảo chất lượng

\* Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Đa dạng các hình thức quảng bá mục tiêu, sứ mạng của Trường trên các phương tiện thông tin đại chúng;

Tạo sự gắn kết chặt chẽ hơn với doanh nghiệp, chính quyền địa phương trong việc dự báo nhu cầu nguồn nhân lực, giải quyết việc làm cho HSSV ra trường;

Tiến hành lấy ý kiến của doanh nghiệp, đơn vị có sử dụng người lao động tham gia vào xây dựng CTĐT nhằm mục đích đào tạo gắn liền với thực tiễn. Đồng thời giúp doanh nghiệp không phải đào tạo lại sau khi tuyển dụng.

Tiếp tục cử viên chức thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn cập nhật kiến thức về công tác đảm bảo chất lượng để nâng cao năng lực chuyên môn.

Tiếp tục nghiên cứu, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định về tổ chức, hoạt động, đánh giá chất lượng giáo viên, CBCNV; đánh giá hoạt động của đơn vị để ngày càng hoàn thiện bộ máy nhà trường.

***Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.***

Theo nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội và định hướng phát triển của Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật số 1 Nghệ An, Trường đã xây dựng các đề án, dự án và được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung các đề án, dự án này thể hiện cụ thể được các mục tiêu và sứ mạng của Trường. Cụ thể:

- Quyết định thành lập Trường và các Quyết định nâng cấp, đổi tên trường [1.1.01 - Quyết định thành lập Trường]. [1.1.01 - Quyết định nâng cấp Trường Dạy nghề số 1 Nghệ An thành Trường Trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật số 1 Nghệ An]; [1.1.01 - Quyết định số 624/QĐ-BLĐTBXH, ngày 25 tháng 5 năm 2011 nâng cấp Trường Trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật số 1 Nghệ An thành Trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật số 1 Nghệ An]; [1.1.01 - Quyết định số 927 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đổi tên Trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật số 1 Nghệ An thành Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật số 1 Nghệ An trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam];

- Báo cáo tổng kết công tác hàng năm và phương hướng nhiệm vụ của Chi bộ nhà trường [1.1.02 - Báo cáo tổng kết công tác hàng năm và phương hướng nhiệm vụ của Chi bộ Trường].

- Chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật số 1 Nghệ An đến năm 2025, Đề án tự chủ và Đề án vị trí việc làm [1.1.03 - Chiến lược phát triển trường đến năm 2025, Đề án tự chủ, Đề án việc làm].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 1.2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.***

Để thích ứng với trình độ khoa học kỹ thuật - công nghệ ngày càng cao và giúp cho người học có nhiều cơ hội việc làm trong nền kinh tế thị trường đang phát triển, nhất là nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh cũng như các khu vực lân cận trong những năm gần đây thì nhu cầu đào tạo thợ lành nghề càng trở nên bức thiết và vô cùng quan trọng. Căn cứ vào quyết định số 43/2018/GCNĐKHĐ-TCGDNN về chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, sau khi được Bộ Lao động thương binh và xã hội phê duyệt, nhà trường đã triển khai đào tạo nguồn nhân lực ở 3 cấp trình độ với 09 ngành nghề đáp ứng nhu cầu của người học, nhu cầu nguồn nhân lực phục vụ công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước [1.2.01 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN (nếu có bổ sung)]. Để thực hiện nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho sự nghiệp CNH-HĐH đất nước và hội nhập lao động Quốc tế, nhà trường đã căn cứ vào Quyết định số 827/QĐ-TTg ngày 12/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An thành trung tâm kinh tế, văn hóa vùng Bắc Trung bộ đến năm 2023 theo tinh thần Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị và  nội dung Đổi mới giáo dục, đào tạo, dạy nghề; nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ tại Quyết định số 138/QĐ-UBND của UBND tỉnh Nghệ An về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022. Tính đến thời điểm hiện nay, số lượng các ngành nghề đào tạo của nhà trường phù hợp với nhu cầu nhân lực của các ngành và xã hội. Trường đã xây dựng kế hoạch tuyển sinh dài hạn và ngắn hạn cho từng ngành, nghề đào tạo [1.2.02 - Kế hoạch tuyển sinh đào tạo chính quy và ngắn hạn,], phù hợp với quy mô đào tạo của Trường.

Kết quả là trong các năm qua, nhà trường đã ký kết nhiều hợp đồng đào tạo theo đơn đặt hàng với doanh nghiệp, địa phương và được các đơn vị liên kết cũng như cấp trên đánh giá cao. [1.2.03 - Các hợp đồng đào tạo]

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 1.3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.***

Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật số 1 Nghệ An là cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam theo Quyết định thành lập [1.1.01 - Quyết thành lập Trường]; [1.1.01 - Quyết định nâng cấp Trường Dạy nghề số 1 Nghệ An thành Trường Trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật số 1 Nghệ An]; [1.1.01 - Quyết định số 624/QĐ-BLĐTBXH, ngày 25 tháng 5 năm 2011 nâng cấp Trường Trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật số 1 Nghệ An thành Trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật số 1 Nghệ An]; [1.1.01 - Quyết định số 927 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đổi tên Trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật số 1 Nghệ An thành Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật số 1 Nghệ An trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam]; [1.3.01 - Quyết thành lập các Phòng, Khoa, Ban]. Là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Nhà trường có con dấu và tài khoản riêng. Trong quá trình hoạt động, Nhà trường đã xây dựng hệ thống các văn bản pháp quy về tổ chức và quản lý để đảm bảo các hoạt động đào tạo của Nhà trường. Cụ thể: [1.3.02 - Quy chế về tổ chức và hoạt động, Quyết định ban hành]; [1.3.02 - Quy chế đào tạo và Quyết định ban hành ]; [1.3.02 - Quy chế Công tác HSSV và Quyết định ban hành]; [1.3.02 - Quy chế chi tiêu nội bộ và Quyết định ban hành]; [1.3.02 - Quy chế thi đua, khen thưởng và Quyết định ban hành ]; [1.3.02 - Quy chế kiểm tra và công nhận tốt nghiệp và Quyết định ban hành ]; [1.3.02 - Quy chế tuyển sinh và Quyết định ban hành]; [1.3.02 - Quy định về chế độ làm việc của CBVC - GV]; [1.3.02 - Quy định về tuyển dụng]; [1.3.02 - Quy định về nâng bậc lương trước thời hạn]; [1.3.02 - Quy định về công tác quy hoạch cán bộ]; [1.3.02 - Quy định về đánh giá, phân loại CBCNV]; [1.3.02 - Quy định về công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCNV]; [1.3.02 - Quy định về Quản lý và sử dụng cơ sở vật chất] và hàng loạt các văn bản pháp quy khác...

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 1.4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.***

Hằng năm, trên cơ sở các văn bản pháp quy về tổ chức và quản lý trước đây đã ban hành, trong năm 2023, nhà trường đã tiếp tục bổ sung, sửa đổi các văn bản pháp quy khác cho phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế của Nhà trường. Kết quả rà soát các văn bản quy định về tổ chức và quản lý, cụ thể như sau:

- Quyết định về việc ban hành sửa đổi Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng theo Thông tư 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 [1.4.01 - Quyết định về việc ban hành sửa đổi Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật số 1 Nghệ An].

- Quyết định về việc ban hành sửa đổi Quy định xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo hệ Cao đẳng, Trung cấp [1.4.01 - Quyết định về việc ban hành sửa đổi Quy định xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo hệ Cao đẳng, Trung cấp].

- Quyết định về việc ban hành sửa đổi Quy định tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình đào tạo hệ Cao đẳng, Trung cấp [1.4.01 - Quyết định về việc ban hành sửa đổi Quy định tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình đào tạo hệ Cao đẳng, Trung cấp].

- Quyết định về việc ban hành sửa đổi quy định, định mức kinh phí thanh toán thù lao biên soạn và thẩm định giáo trình đào tạo [1.4.01 - Quyết định về việc ban hành sửa đổi Quy định, định mức kinh phí thanh toán thù lao biên soạn và thẩm định giáo trình đào tạo].

- Quyết định ban hành sửa đổi Quy định về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, Trung cấp theo phương thức tích luỹ mô đun hoặc tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp [1.4.01 - Quyết định ban hành sửa đổi Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, Trung cấp theo phương thức tích luỹ mô đun hoặc tín chỉ].

- Quyết định ban hành sửa đổi Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp [1.4.01 - Quyết định ban hành sửa đổi Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp].

- Quyết định ban hành sửa đổi quy định về in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng

tốt nghiệp Cao đẳng, Trung cấp [1.4.01 - Quyết định về việc ban hành sửa đổi quy định về in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp Cao đẳng, Trung cấp].

- Việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung được thực hiện theo quy trình, có sự tham gia đóng góp ý kiến của CBCNV - GV các đơn vị, Chi bộ, BCH công đoàn, thể hiện qua các biên bản họp của các đơn vị [1.4.02 - Biên bản góp ý của các đơn vị đề nghị sửa đổi, bổ sung các quy chế]. Các quy chế sửa đổi, bổ sung được tập hợp thành các tập văn bản quản lý điều hành của nhà trường [1.4.03 - Các quy chế, quy định, sửa đổi, bổ sung].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 1.5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.***

Theo Điều lệ trường cao đẳng [1.5.01 - Điều lệ trường cao đẳng], Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật số 1 Nghệ An [1.3.02 - Quy chế tổ chức và hoạt động của trường]; và yêu cầu thực tế, nhà trường đã có Quyết định thành lập các phòng, khoa, ban [1.3.01 - Quyết định thành lập các phòng, khoa, ban] quy định rõ chức năng, nhiệm vụ từng đơn vị, không có sự chồng chéo, trùng lặp.

Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị có sự điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường trong từng giai đoạn, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của Trường [1.5.02 - Các Quyết định điều chỉnh, thay đổi bộ máy, nhân sự]. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý và tham mưu về công tác chuyên môn. Hiện nay, cơ cấu tổ chức các phòng chức năng, khoa chuyên môn, tổ bộ môn của trường gồm có:

- 05 Phòng chức năng: Phòng TCHC; Phòng Công tác HSSV; Phòng Tài vụ; Phòng Đào tạo; Phòng TTKT&ĐBCL

- 05 Khoa chuyên môn: Khoa Điện; Khoa Khoa học Cơ Bản; Khoa May thời trang; Khoa Cơ khí - Động lực; Khoa Du lịch.

- 01 Ban: Ban tuyển sinh và Kết nối doanh nghiệp

Việc sắp xếp tổ chức các phòng, khoa, ban của trường là phù hợp, phát huy được vai trò cũng như mối quan hệ giữa các đơn vị nhằm phục vụ cho mục tiêu chung của nhà trường; đảm bảo cho nhà trường hàng năm đều hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao. Tuỳ theo tính chất công việc, mỗi phòng chức năng, khoa chuyên môn có trưởng, phó của các đơn vị. Các phòng, khoa, ban đều được xác định nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng, chịu sự lãnh đạo của Hiệu trưởng theo quy chế tổ chức và hoạt động của trường.

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 1.6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.***

Căn cứ Thông tư 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 quy định về Điều lệ trường cao đẳng, Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật số 1 Nghệ An ban hành Quyết định về Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường. Trên cơ sở đó, nhà trường có văn bản gửi Liên đoàn Lao động tỉnh Nghệ An xin ý kiến về việc thành lập Hội đồng trường [1.6.01 - Hồ sơ xin thành lập Hội đồng trường và Quyết định thành lập Hội đồng trường]. Hội đồng đã tập hợp được các cán bộ, giảng viên có trình độ cao, đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ được giao; phát huy vai trò và trách nhiệm trong việc tư vấn cho Hiệu trưởng về mục tiêu, chương trình đào tạo, xây dựng và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, cán bộ, nhân viên của trường đáp ứng yêu cầu của xã hội [1.6.02 - Báo cáo tổng kết công tác hàng năm của Hội đồng trường]. Đồng thời, nhà trường đã thành lập các Hội đồng tư vấn có vai trò tư vấn cho Hiệu trưởng những vấn đề cụ thể trong lĩnh vực hoạt động của Trường như: Hội đồng xét nâng bậc lương cho công chức, viên chức [1.6.03 - Quyết định thành lập Hội đồng, Biên bản họp]; Hội đồng thi đua khen thưởng [1.6.03 - Quyết định thành lập Hội đồng, Biên bản họp]; Hội đồng thẩm định đề cương môn học [1.6.03 - Quyết định thành lập Hội đồng, Biên bản họp]; Hội đồng kỷ luật [1.6.03 - Quyết định thành lập Hội đồng, Biên bản họp]; Hội đồng tuyển sinh [1.6.03 - Quyết định thành lập Hội đồng, Biên bản họp]; Hội đồng coi thi, chấm thi học phần [1.6.03 - Quyết định thành lập Hội đồng, Biên bản họp]; Hội đồng xét các loại chế độ chính sách cho HSSV [1.6.03 - Quyết định thành lập Hội đồng, Biên bản họp].

Trên cơ sở cơ cấu tổ chức, nhân sự, chức năng, nhiệm vụ của các phòng, khoa quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của trường; nhà trường đã ra Quyết định thành lập các phòng, khoa, ban [1.3.01 - Quyết định thành lập các phòng, khoa, ban], các tổ chức/đơn vị này đều hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và đạt hiệu quả [1.6.04 - Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của các phòng, khoa, ban].

Hằng năm, các phòng chức năng, bộ phận, bộ môn và các trung tâm trực thuộc xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện; báo cáo kết quả công tác, đánh giá mặt làm được, mặt tồn tại; đề ra phương hướng, giải pháp thực hiện nhiệm vụ trọng tâm cho năm tới và đánh giá thi đua của đơn vị [1.6.05 - Các báo cáo sơ kết, tổng kết công tác hàng năm của nhà trường, các phòng, khoa và ban]; [1.6.06 - Biên bản thanh tra, kiểm tra của nhà trường, các phòng, khoa và ban]

Các đơn vị hằng năm đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ, nhiều đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được khen tặng bằng khen và nhiều danh hiệu thi đua [1.6.07 - Các Quyết định khen thưởng của các cấp].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 1.7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.***

Các văn bản như Quy chế hoạt động của các đơn vị phòng, khoa, ban; các Quyết định thành lập các bộ phận trực thuộc trường đã thể hiện nhà trường có sự phân công, phân cấp hợp lý, rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ đảm bảo được hiệu quả công tác của các

đơn vị trong trường.

Các bộ phận trong trường hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ của mình đạt

hiệu quả cao thể hiện qua các báo cáo của các đơn vị [1.7.01 - Báo cáo kiểm định của các đơn vị trong trường].

Theo Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH quy định Hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở GDNN. Trường chưa ban hành đầy đủ các quy định về đảm bảo chất lượng bao gồm hệ thống các chính sách, quy trình, công cụ đối với tất cả lĩnh vực, nội dung quản lý của cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhằm duy trì, cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 1.8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.***

Nhà trường đã thành lập được phòng Thanh tra, Khảo thí & ĐBCL hoạt động độc lập [1.3.01 - Quyết định thành lập Phòng Thanh tra, Khảo thí & ĐBCL], thực hiện chức năng khảo thí, thanh kiểm tra nề nếp giảng dạy, học tập của giảng viên và HSSV, Thanh kiểm tra hồ sơ chuyên môn, thực hiện công tác tổ chức Bảo đảm chất lượng, các hoạt động được tổ chức thực hiện nghiêm túc, tuân thủ các quy định, quy chế chuyên môn của trường và Bộ LĐTB&XH.

Đội ngũ cán bộ làm công tác Bảo đảm chất lượng có đủ năng lực để triển khai thực hiện có hiệu quả các hoạt động kiểm tra, đánh giá và đảm bảo chất lượng đào tạo của nhà trường, hoạt động của bộ phận chuyên trách đều được đánh giá đầy đủ, toàn diện trong các báo cáo sơ kết, tổng kết của nhà trường [1.8.01 - Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá]; [1.8.02 - Báo cáo tự đánh giá các năm] để đăng ký đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp trường Cao đẳng nghề;

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 1.9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.***

Chi bộ trường là Chi bộ cơ sở trực thuộc Đảng bộ Thành phố Vinh [1.9.01 - Quyết định thành lập Chi bộ Trường], hiện nay có 41 đảng viên; trong đó ĐV chính thức là 40; dự bị 01. Ban Chấp hành Chi bộ gồm 05 đồng chí.

Chi ủy trường thực hiện việc lãnh đạo toàn diện các nhiệm vụ chính trị được giao hàng năm. Hoạt động của Chi bộ trường được thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Đảng. Trong quá trình hoạt động, Chi ủy trường lãnh đạo, chỉ đạo theo Nghị quyết, chương trình hành động hàng năm, chương trình hành động theo chuyên đề, cùng với chính quyền góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị của nhà trường [1.9.02 - Quy chế hoạt động của Chi bộ,]; [1.9.03 - Chương trình hành động của Chi bộ]; [1.1.02 - Báo cáo tổng kết công tác hàng năm và phương hướng nhiệm vụ của Chi bộ].

Chi bộ nhà trường đã được Đảng ủy cấp trên xét tặng danh hiệu đảng bộ “Trong sạch, vững mạnh” tiêu biểu nhiều năm liền [1.9.04 - Các Quyết định khen thưởng của cấp trên].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 1.10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.***

Trong quá trình xây dựng và trưởng thành, Trường luôn coi trọng vai trò của tổ chức đoàn thể trong nhà trường; coi đó là những tổ chức tạo nên sức mạnh để khẳng định vị thế của nhà trường. Tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (Đoàn TNCS HCM) đã phát huy vai trò, chức năng và nhiệm vụ thông qua việc phối hợp với nhà trường tổ chức nhiều hoạt động phong phú góp phần thực hiện tốt mục tiêu giáo dục.

Trong những năm qua, Công đoàn trường đã thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội Công đoàn trường đề ra. Công đoàn triển khai thực hiện các hoạt động theo đúng điều lệ [1.10.01 - Điều lệ hoạt động của Công đoàn] và quy chế tổ chức và hoạt động công đoàn [1.10.02 - Quy chế hoạt động của Công đoàn] như: giám sát, kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động thông qua hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, tham gia vào các Hội đồng cấp trường có liên quan về quyền và lợi ích chính đáng của CCVC và người lao động. Bên cạnh đó, công đoàn đã thực hiện tốt vai trò vận động cán bộ, giảng viên tham gia NCKH, học tập nâng cao trình độ thông qua các hoạt động chuyên môn, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao [1.10.03 - Chương trình hoạt động, chuyên đề của Công đoàn …].

Đoàn TNCS HCM hoạt động theo đúng điều lệ của Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh [1.10.04 - Điều lệ hoạt động của Đoàn TNCS HCM] và theo quy định của Hiến pháp và Pháp luật [1.10.05 - Quy chế hoạt động của Đoàn TNCS HCM]. Trong những năm, qua, Đoàn đã đóng góp tích cực trong việc phối hợp với nhà trường tổ chức các hoạt động, phong trào có ý nghĩa thiết thực, tạo sân chơi lành mạnh cho HSSV, giúp HSSV an tâm học tập, rèn luyện vì ngày mai lập thân, lập nghiệp. Một số câu lạc bộ ra đời giúp HSSV có điều kiện giao lưu, rèn luyện: Câu lạc bộ âm nhạc, câu lạc bộ thể thao...Bên cạnh đó Đoàn trường đã tổ chức kỉ niệm những ngày truyền thống nhằm ôn lại quá khứ hào hùng của dân tộc, tổ chức nhiều chương trình tình nguyện: hiến máu nhân đạo, tiếp sức mùa thi...kịp thời khen thưởng, động viên những đoàn viên thanh niên ưu tú, xuất sắc trong học tập, rèn luyện [1.10.06 - Chương trình hoạt động, chuyên đề của Đoàn TNCS HCM].

Các tổ chức đoàn thể ngày càng phát huy được tính năng động, tổ chức các hoạt động, phong trào thi đua với các nội dung cụ thể, hình thức phong phú, đa dạng, gắn liền với nhiệm vụ chính trị của nhà trường, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị trong nhà trường [1.10.07 - Các kế hoạch tổ chức phong trào thi đua của Công đoàn, Đoàn TNCSHCM]; [1.10.08 - Công tác triển khai Nghị quyết của Công đoàn, Đoàn TNCSHCM].

Trong quá trình hoạt động, Công đoàn trường, Đoàn trường đã có nhiều thành tích nổi bật, được cấp trên ghi nhận và khen thưởng [1.10.09 - Báo cáo đánh giá hoạt động của tổ chức đoàn thể hàng quý, năm]; [1.10.10 - Các thành tích đã được cấp trên ghi nhận và khen thưởng].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 1.11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.***

Công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của Trường được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường [1.3.02 - Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường].

Trường đã giao nhiệm vụ thanh tra hoạt động đào tạo cho phòng Thanh tra, Khảo thí & Đảm bảo chất lượng [1.3.01 - Quyết định thành lập phòng Thanh tra, Khảo thí & Đảm bảo chất lượng].

Hằng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao phòng Thanh tra, Khảo thí & Đảm bảo chất lượng xây dựng kế hoạch để tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao [1.11.01 - Kế hoạch hoạt động thanh tra của phòng Thanh tra, Khảo thí & Đảm bảo chất lượng], căn cứ vào các kế hoạch đã được phê duyệt, tổ chức kiểm tra, giám sát. Qua mỗi đợt kiểm tra, giám sát đều có lập biên bản kiểm tra [1.11.02 - Các biên bản kiểm tra, giám sát], báo cáo kết quả, giám sát theo định kỳ; thường xuyên rà soát, báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và đề xuất biện pháp cải tiến những mặt hạn chế, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo [1.11.03 - Báo cáo, đánh giá kết quả thanh tra].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 1.12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.***

Việc thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng thụ hưởng trong nhà trường được áp dụng đúng quy định. Đối với đối tượng là HSSV thực hiện theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP về chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập và Nghị định 57/2017/NĐ-CP về chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học phí cho HSSV dân tộc thiểu số [1.12.01 - Kết quả xét miễn, giảm học phí và xét học bổng hỗ trợ học tập hàng năm], được quy định rõ trong Quy chế công tác HSSV [1.3.02 - Quy chế công tác HSSV] và phổ biến cho toàn thể HSSV trên website, sổ tay HSSV [1.12.02 - Sổ tay học viên]

Đối với đối tượng là CBCNV, các chế độ, chính sách được thực hiện theo quy định của nhà nước và quy định rõ trong Quy chế chi tiêu nội bộ trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật số 1 Nghệ An [1.3.03 - Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường], thể hiện qua các báo cáo tài chính, danh sách nâng lương định kỳ và trước hạn, bảng lương hàng tháng đối với các đối tượng được hưởng các chế độ phụ cấp theo quy định của nhà nước [1.12.03 - Các báo cáo, báo cáo tài chính, sổ sách kế toán hàng năm, danh sách nâng lương định kỳ và trước hạn, bảng lương hàng tháng].

Về việc thực hiện chính sách bình đẳng giới, Trường đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về bình đẳng giới đối với các chế độ chính sách, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ, công tác tuyển sinh…..

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

## 3.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo

Hiện nay, trường đào tạo các cấp trình độ: Sơ cấp, Trung cấp và Cao đẳng. Các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp của Trường được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, đều có chuẩn đầu ra cụ thể và công bố công khai để người học và xã hội biết. Để tổ chức đào tạo; hằng năm, Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh và tổ chức thực hiện công tác tuyển sinh theo đúng qui định của Bộ LĐ- TB&XH.

Nhà trường đã tổ chức đào tạo theo đúng mục tiêu, kế hoạch, nội dung chương trình đã được phê duyệt, đáp ứng nhu cầu xã hội; thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng được nhu cầu học tập của người học, tạo điều kiện thuận lợi cho người học; góp phần đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực cho khu vực và cả nước.

Trong quá trình đào tạo, Trường rất chú trọng đến chất lượng, phương pháp đào tạo kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; đã kết hợp với doanh nghiệp hướng dẫn học tập và phối hợp kiểm tra đánh giá năng lực HSSV qua các đợt học thực hành và thực tập tốt nghiệp giúp người học phát triển tốt về kiến thức, kỹ năng nghề được nâng cao và nhận thức được công việc làm sau khi tốt nghiệp. HSSV tốt nghiệp ra trường có việc làm phù hợp với chuyên môn đào tạo đạt tỷ lệ cao. Kiến thức, kỹ năng đào tạo đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp, thích ứng với xu thế phát triển của xã hội.

\* Những điểm mạnh

Về công tác tuyển sinh, Trường đã thực hiện tốt, đảm bảo công bằng, công khai theo đúng qui định của Bộ LĐ-TB&XH.

Trường đã thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học. Ngoài phương thức tổ chức đào tạo chính quy, Trường còn tổ chức các lớp đào tạo ngắn hạn tại trường hoặc tại các doanh nghiệp nhằm bồi dưỡng, cập nhật kiến thức theo yêu cầu của của doanh nghiệp.

Trường tổ chức đào tạo theo đúng mục tiêu, nội dung, chương trình đã được phê duyệt. Các chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy toàn khóa, năm học, học kỳ, tiến độ, thời khoá biểu đều được xây dựng cụ thể chi tiết.

Trường luôn quan tâm đến việc đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác của người học; giúp người học có thói quen học tập chủ động, sáng tạo, có kỹ năng thực hành nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của xã hội.

Hoạt động dạy và học trong Trường đều được tổ chức kiểm tra, giám sát theo đúng kế hoạch. Các công tác tổ chức thi, kiểm tra kết thúc học phần/môn học, thi và xét tốt nghiệp, cấp văn bằng, chứng chỉ của Trường đều thực hiện đúng quy định, đảm bảo nghiêm túc, khách quan.

\* Những tồn tại

Hình thức và phương pháp tuyên truyền, quảng bá cho tuyển sinh chưa phong phú, đa dạng nên chưa thu hút đông đảo thí sinh từ các vùng miền đăng ký.

Cơ cấu ngành, nghề đào tạo chưa được đồng đều, thường chỉ tập trung mạnh ở nghề chủ lực của trường (Nghề Kỹ thuật chế biến món ăn, Nghề Điện…)

\* Kế hoạch nâng cao chất lượng

Tích cực tuyên truyền quảng bá hình ảnh, thương hiệu của Trường để công tác tuyển sinh thuận lợi hơn, tuyển chọn thí sinh đạt chất lượng hơn.

Đẩy mạnh hơn nữa hình thức đào tạo kết hợp với doanh nghiệp trong tất cả các ngành nghề trong trường.

Cập nhật thường xuyên thông tin của HSSV sau khi tốt nghiệp để kịp thời điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo, đa dạng hóa loại hình đào tạo cho phù hợp với điều kiện thực tiễn.

***Tiêu chuẩn 2.1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.***

Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật số 1 Nghệ An hiện nay đang thực hiện 03 loại hình đào tạo chính: hệ Sơ cấp, hệ Trung cấp và hệ Cao đẳng. Trường đã được Tổng cục Dạy nghề cấp giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp cho 09 ngành, nghề (CĐ: 07; TC: 06; SC: 05) với các trình độ đào tạo Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp [1.2.01 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp]. Năm 2018, trường triển khai xây dựng và ban hành chương trình đào tạo cho các nghề đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo thông tư 03/2017/BLĐTBXH ngày 01/03/2017 về việc Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề, trình độ Cao đẳng; thông tư 12/2017/BLĐTBXH về việc Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng; Ban hành kèm theo là chuẩn đầu ra quy định về các yêu cầu đối với người học phải đạt khi tốt nghiệp bao gồm: kiến thức, kỹ năng, thái độ [2.1.01 - Danh sách chương trình đào tạo các ngành, nghề và Quyết định ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo]. Chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra được công bố công khai trên trang Web của trường.

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 2.2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.***

Căn cứ Thông tư số Thông tư số 05/2017/TT – BLĐTBXH ngày 02/3/2017 về việc quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng, Trường đã ban hành quy chế tuyển sinh [1.3.02 - Quy chế tuyển sinh]. Nội dung quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ Trung cấp, Cao đẳng tuân thủ theo Quyết định và Thông tư của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Trường xây dựng và ban hành quy chế hướng dẫn công tác tuyển sinh, thể hiện trong các đề án tuyển sinh hằng năm của Trường.

Trong đề án tuyển sinh hằng năm có quy định rõ các ngành nghề đào tạo; thời gian, đối tượng và hình thức tuyển sinh; các chính sách ưu tiên tuyển sinh; các điều kiện đảm bảo chất lượng đầu vào; lệ phí tuyển sinh; kế hoạch tuyển sinh và thông báo tuyển sinh; điều kiện thực hiện phương án tuyển sinh; công tác thanh kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo; chế độ thông tin, báo cáo và các nội dung liên quan khác [2.2.01 - Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 2.3: Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.***

Hằng năm, căn cứ công văn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Hiệu trưởng nhà trường chỉ đạo phòng Đào tạo, Ban tuyển sinh tham mưu, xác định chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm [2.3.01 - Văn bản đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh các năm].

Trường đã ban hành quy chế tuyển sinh căn cứ Thông tư số 05/2017/TT - BLĐTBXH ngày 02/3/2017 về việc quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng [1.3.02 - Quy chế tuyển sinh].

Thông qua Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh, các ban giúp việc, bố trí phân công cán bộ tiếp nhận hồ sơ xét tuyển, sắp xếp hồ sơ đăng ký theo mã ngành với tiêu chí xét tuyển và mã hóa hồ sơ [1.6.03 - Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh các năm], nhà trường tiến hành xây dựng kế hoạch tuyển sinh [2.3.02 - Kế hoạch tuyển sinh các năm] và thông báo tuyển sinh]; [2.3.03 - Thông báo tuyển sinh các năm] ngay từ đầu các năm học trên cơ sở thực hiện kế hoạch năm trước, điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên đáp ứng nhu cầu đào tạo để làm căn cứ xây dựng và xác định chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm.

Sau khi kết thúc thời gian tuyển sinh và thực hiện các thủ tục hành chính đối với học sinh trúng tuyển, Ban tuyển sinh tiến hành tổng hợp kết quả, thống kê dữ liệu và lập báo cáo công tác tuyển sinh theo quy định của trường [2.3.04 - Báo cáo công tác tuyển sinh hàng năm]. Trong báo cáo nêu rõ những kết quả đạt được so với chỉ tiêu tuyển sinh, những khó khăn, thuận lợi và đề xuất giải pháp cho năm tuyển sinh kế tiếp và ra các quyết định mở lớp, danh sách phân lớp kèm theo [2.3.05 - Quyết định mở lớp, phân lớp các năm].

Công tác tuyển sinh luôn đảm bảo khách quan công bằng, thông tin giới thiệu về trường, tổ chức tuyên truyền, thông báo công khai trên báo đài, phương thức xét tuyển, vùng tuyển sinh, thời gian xét tuyển. Hướng dẫn thủ tục đăng ký và nộp hồ sơ tuyển sinh, tổ chức thu hồ sơ tuyển sinh theo kế hoạch của trường. Thông báo, in danh sách và niêm yết công khai danh sách học sinh trúng tuyển.

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 2.4: Thực hiện đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.***

Hàng năm trên cơ sở dự báo nguồn nhân lực và nhu cầu về thị trường lao động các ngành nghề của tỉnh và cả nước. Trên cơ sở đó, Nhà trường tiến hành rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo, bổ sung các ngành nghề đào tạo đảm bảo đáp ứng được nhu cầu học tập của người học. Nhà trường đa dạng hóa phương thức đào tạo, kết hợp linh hoạt các phương thức đào tạo. Đối với các phương thức đào tạo tại trường, hàng năm nhà trường luôn tuyển sinh đạt trên 95% chỉ tiêu đề ra [2.4.01 - Thống kê số lượng HSSV theo trình độ đào tạo, theo từng nghề của các năm].

Ngoài ra, Trường còn tổ chức đào tạo theo yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của các doanh nghiệp. Hình thức học được thiết kế linh hoạt, phù hợp với đối tượng học là cán bộ quản lý, nhân viên đang làm việc trong các doanh nghiệp [2.4.02 - Hợp đồng đào tạo với các doanh nghiệp, Danh sách học viên].

Các thông tin về các phương thức tổ chức đào tạo của Trường được thể hiện trong chương trình đào tạo, trên website trường và trên các phương tiện thông tin đại chúng [2.3.03 - Thông báo tuyển sinh các năm].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 2.5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.***

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, Trường đã ban hành Quy định xây dựng, thẩm định chương trình đào tạo hệ Cao đẳng, Trung cấp [2.5.01 - Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp của Hiệu

trưởng].

Nhằm cụ thể hóa mục tiêu đào tạo của trường, 05 bộ môn đã xác định mục tiêu và nội dung 05 chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, Trung cấp với nội dung thể hiện trong chương trình chi tiết môn học, mô đun kèm theo [2.5.02 - Kế hoạch đào tạo trình độ Cao đẳng, Trung cấp chính quy]; [2.1.01 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo].

Trên cơ sở mục tiêu, nội dung chương trình đã được phê duyệt, hàng năm nhà trường đều xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch giảng dạy của từng môn học, mô đun của từng giáo viên nhằm xác định số tuần thực học, thực tập tốt nghiệp, nghỉ hè [2.5.03 - Kế hoạch hoạt động năm học và Kế hoạch thi, kiểm tra theo từng học kỳ]. Kế hoạch giảng dạy năm học được phổ biến trên toàn trường từ đầu năm học trong đó việc phân bố các môn học phù hợp theo từng học kỳ của chương trình đào tạo (môn chung HKI, các môn cơ sở và chuyên ngành HKII và HKIII) để HSSV có khối lượng kiến thức nhất định [2.5.04 - Tiến độ đào tạo năm học].

Căn cứ vào tiến độ, kế hoạch đào tạo, các Khoa phối hợp với Phòng Đào tạo xây dựng phân công giảng dạy cho giáo viên, giảng viên cho từng học kỳ [2.5.05 - Phân công chuyên môn các học kỳ, các năm học]; xây dựng thời khóa biểu gửi đến các phòng, khoa niêm yết tại Phòng đào tạo để thực hiện và thuận tiện cho việc thanh, kiểm tra [2.5.06 - Thời khoá biểu học kỳ, các năm học].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 2.6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.***

Trên cơ sở kế hoạch, tiến độ đào tạo đã được Hiệu trưởng phê duyệt, phòng Đào tạo phân công giờ giảng cho các bộ môn, các bộ môn sẽ tiến hành phân công giờ giảng cho từng giáo viên theo từng học kỳ, năm học [2.6.01 - Bảng phân công giờ giảng]. Trong từng học kỳ, phòng Đào tạo lên kế hoạch đồng thời phối hợp cùng các bộ môn giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch đào tạo hàng năm [2.6.02 - Báo cáo theo dõi tiến độ đào tạo].

Hàng ngày giáo viên lên lớp phải có hồ sơ bài giảng, gíao viên phải ghi rõ nội dung bài giảng, số tiết thực hiện và ký tên vào sổ lên lớp [2.6.03 - Sổ lên lớp, Sổ tay giáo viên, giáo án]. Phòng Đào tạo sẽ là nơi giám sát, theo dõi việc thực hiện kế hoạch, tiến độ đào tạo, thời khoá biểu và có báo cáo kết quả giám sát, đánh giá trong giao ban, hàng tháng [2.6.04 - Báo cáo tổng hợp thực hiện quy chế giáo viên].

Ngoài việc tự thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo đúng quy trình và Quy chế, Nhà trường thường xuyên chịu sự thanh tra, kiểm tra giám sát của các cơ quan quản lý Nhà nước về dạy nghề theo quy định.

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 2.7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.***

Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt, thể hiện qua chương trình, kế hoạch, tiến độ, hồ sơ bài giảng, sổ lên lớp … [2.6.03 - Sổ lên lớp, Sổ tay giáo viên, giáo án].

Để học viên tất cả các ngành nghề của Trường được tiếp cận với thực tế tại các doanh nghiệp, vào cuối khóa học dựa trên kế hoạch tiến độ toàn khóa phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch và nội dung cho học viên thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp đúng theo ngành nghề theo thời gian quy định. Kế hoạch được BGH phê duyệt, phòng Đào tạo liên hệ gửi công văn, kế hoạch thực tập và danh sách HV trước cho doanh nghiệp ít nhất là 1 tháng [2.7.01 - Kế hoạch thực tập tại doanh nghiệp]; [2.7.02 - Công văn gửi sinh viên đi thực tập, Quyết định cử sinh viên đi thực tập].

Kết thúc đợt thực tập, sinh viên được các doanh nghiệp xác nhận nội dung, thời gian làm việc tại doanh nghiệp và đều có báo cáo kết quả thực tập theo quy định [2.7.03 - Sổ thực tập của sinh viên]; [2.7.04 - Báo cáo kết quả thực tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp]; [2.7.05 - Phiếu đánh giá của doanh nghiệp về sinh viên thực tập tại doanh nghiệp].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 2.8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.***

***.***

Căn cứ theo Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ LĐTB&XH [2.8.01 - Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH], Trường đã điều chỉnh các chương trình đào tạo theo hướng kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; trong đó thời lượng thực hành, thực tập đối với các trình độ Cao đẳng, Trung cấp từ 60% - 70% tổng thời gian đào tạo [2.8.02 - Chương trình đào tạo các ngành được điều chỉnh theo Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH]. Tiến độ đào tạo được bố trí hợp lý, sau khi được trang bị lý thuyết chuyên môn, HSSV sẽ được bố trí thực hành nghề nghiệp [2.5.05 - Tiến độ đào tạo năm học].

Hàng năm, phòng Đào tạo phối hợp với các bộ môn xây dựng kế hoạch dự giờ nhằm tạo điều kiện cho giáo viên chia sẽ kinh nghiệm về phương pháp giảng dạy để bổ sung vào các tiết dạy, đồng thời trau dồi kinh nghiệm nâng cao trình độ chuyên môn; góp phần tăng cường và làm tốt hơn nữa việc quản lý dạy và học, thúc đẩy phong trào thi đua "dạy tốt, học tốt", nâng cao chất lượng đào tạo; kết thúc các buổi dự giờ, có biên bản dự giờ thể hiện phương pháp đào tạo phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm [2.8.03 - Kế hoạch và biên

bản dự giờ các giáo viên].

Ngoài ra, Trường còn tổ chức các hội thi tay nghề nhằm phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc theo nhóm của HSSV, trong đó chú trọng đến khả năng tự học, tự nghiên cứu, tự rèn luyện tay nghề một cách chủ động, sáng tạo [2.8.04 - Kế hoạch tổ chức các Hội thi tay nghề].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 2.9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.***

Trong hoạt động dạy và học, 100% các mô đun, môn học chuyên môn khi lên lớp giáo viên đều ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông như việc sử dụng các video clip, phần mềm dạy học tương tác với các thiết bị ... [2.6.03 - Sổ lên lớp, sổ tay giáo viên, giáo án]; [2.9.01 - Các slides bài giảng điện tử].

Để đáp ứng với sự ứng dụng công nghệ thông tin, Trường hiện nay có trang bị 2 phòng máy vi tính với 30 máy tính mỗi phòng được cài đặt các phần mềm chuyên dùng [2.9.02 - Báo cáo về trang thiết bị dạy học] phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập tất cả các ngành nghề đào tạo của trường.

Nhà trường rất coi trọng công tác tin học hóa trong mọi hoạt động, đặc biệt là trong công tác quản lí, hiện nay nhà trường tổ chức quản lý hoạt động đào tạo của trường qua phần mềm để thực hiện việc sắp xếp thời khóa biểu, quản lý HSSV, đăng ký học phần, quản lý điểm số [2.9.03 - Phần mềm quản lý HSSV, quản lý điểm]. Bên cạnh đó, nhà trường thực hiện quản lý kết quả học tập thông qua phần mềm quản lý kết quả học tập [2.9.03 - Phần mềm quản lý HSSV, quản lý điểm].

Công tác học tập của HSSV cũng được quan tâm. Đặc biệt hệ thống wifi của nhà trường được nâng cấp thường xuyên hỗ trợ cho HSSV về phần tự học, tự nghiên cứu. Tất cả các thiết bị máy tính toàn trường (kể cả ở các phòng chức năng, nghiệp vụ) đều được nối mạng internet đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và làm việc trong nhà trường.

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 2.10: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.***

Dựa trên kế hoạch phân bố từng học kỳ trong chương trình đào tạo thể hiện qua tiến trình đào tạo các ngành đã được Hiệu trưởng phê duyệt [2.5.05 - Tiến độ đào tạo]. Trên cơ sở tiến trình đào tạo các ngành, phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch đào tạo và sắp xếp thời khóa biểu dựa trên bảng phân công giáo viên của các bộ môn trên lĩnh vực chuyên môn bộ môn quản lý [2.5.02 - Kế hoạch đào tạo năm học]. Để đảm bảo kế hoạch đào tạo được thực hiện đúng tiến độ, chất lượng và hiệu quả, phòng Đào tạo kết hợp với các bộ môn, Phòng Công tác HSSV, phòng TTKT&ĐBCL chịu trách nhiệm kiểm tra, theo dõi giờ giấc lên lớp của giáo viên hằng ngày dựa trên kế hoạch giờ giảng [2.10.01 - Kế hoạch theo dõi giờ giấc lên lớp của giáo viên]. Hàng tháng phòng Đào tạo phối hợp với phòng TTKT&ĐBCL thực hiện kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất với những nội dung như: Kiểm tra lịch giảng dạy, giáo án, giáo trình, sổ đầu bài qua công tác dự giờ giáo viên [2.10.02 - Kế hoạch kiểm tra hồ sơ lên lớp định kỳ của các bộ môn].

Ngoài công tác giám sát việc thực hiện kế hoạch giảng dạy của giáo viên, của phòng Đào tạo, các khoa cũng xây dựng kế hoạch kiểm tra hồ sơ bài giảng vào đầu học kỳ; xây dựng kế hoạch dự giờ theo từng học kỳ [2.10.03 - Kế hoạch dự giờ các khoa], các tiết dự giảng đều có họp rút kinh nghiệm và được phòng Đào tạo thông báo rộng rãi trong nhà trường.

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 2.11: Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.***

Hằng năm, trường đều có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy học [2.11.01 - Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy học các năm]. Để nâng cao chất lượng đào tạo, thông qua sự góp ý của CBQL, GV, CBCNV trong các hội nghị CBCNVC, trường đều có văn bản đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng dạy và học [1.6.05 - Báo cáo tổng kết và phương hướng nhiệm vụ các năm].

Qua kết luận của báo cáo sơ kết, tổng kết hoạt động dạy và học mỗi học kỳ, có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học, như: xây dựng kế hoạch thi đua cải tiến, đổi mới phương pháp dạy và học; tổ chức các hội thảo, khóa đào tạo chuyên đề giúp cho giáo viên tiếp cận với nhiều biện pháp trong công tác giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng đào tạo [2.11.02 - Kế hoạch tổ chức khóa đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên]; đánh giá chất lượng giảng dạy của giáo viên mỗi học kỳ thông qua Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng giảng dạy của giáo viên.

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 2.12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.***

Dựa trên các quy định về Quy chế tổ chức đào tạo đã được Bộ Lao động thương binh & Xã hội ban hành theo thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; Quy chế thi kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ [1.3.02 - Quyết định ban hành quy chế đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp của Trường]; [2.12.01 - Quyết định công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết

quả học tập, rèn luyện];[2.12.02 - Sổ cấp văn bằng, chứng chỉ].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 2.13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.***

Trong quá trình tổ chức đào tạo kết hợp giữa nhà trường và doanh nghiệp, Trường luôn chú trọng đến sự tham gia của doanh nghiệp trong quá trình đánh giá kết quả học tập của HSSV. Đối với việc thực hành tại doanh nghiệp, Trường kết hợp với doanh nghiệp xây dựng kế hoạch thực hiện, trong đó nội dung có thể hiện việc tham gia đánh giá của doanh nghiệp vào quá trình đánh giá kết quả học tập của HSSV [2.7.01 - Kế hoạch thực tập tại doanh nghiệp]; [2.7.02 - Sổ thực tập của sinh viên].

Trong quá trình thực hành của HSSV, cán bộ hướng dẫn tại các doanh nghiệp theo dõi đánh giá tổng hợp về kiến thức, kỹ năng, thái độ và tác phong làm việc cho từng HSSV qua phiếu đánh giá thực tập [2.7.03 - Báo cáo kết quả thực tập tại doanh nghiệp]; [2.7.04 - Phiếu đánh giá sinh viên thực tập tại doanh nghiệp].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 2.14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.***

Nhà trường đã ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp, Lập lịch thi tốt nghiệp trình Hiệu trưởng phê duyệt để tổ chức thực hiện. Việc tổ chức thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp được các phòng, bộ môn chức năng tuân thủ theo đúng Nội quy thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp của trường và các quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội [2.14.01 - Lịch thi kiểm tra kết thúc môn học, thi tốt nghiệp]; [2.14.02 - Biên bản họp hội đồng thi tốt nghiệp]; [2.14.03 - Biên bản họp hội đồng xét công nhận tốt nghiệp].

Căn cứ kết quả thi tốt nghiệp của sinh viên, biên bản kiểm tra tình hình thi tốt nghiệp, Hội đồng thi nhà trường đã xét và công nhận tốt nghiệp cho HSSV đúng quy định [2.14.03 - Biên bản họp hội đồng xét công nhận tốt nghiệp]. Việc cấp phát văn bằng, chứng chỉ cho người học được nhà trường thực hiện thông qua Sổ cấp phát văn bằng, chứng chỉ [2.12.02 - Sổ cấp phát văn bằng, chứng chỉ].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 2.15: Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết***

Hàng năm, Trường đều có kế hoạch thực hiện việc rà soát các quy định về kiểm tra,

thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện; cấp văn bằng, chứng chỉ [2.15.01 - Kế hoạch rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy chế, quy định].

Trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và Thông tư số 10/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng [2.12.02 - Quyết định về việc ban hành tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ]; [1.3.02 - Qui chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 2.16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.***

Trường hợp tác với trường Cao đẳng công nghệ Hà Tĩnh và trường Trung cấp Du lịch - Công nghệ số 9 Quảng Bình để đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên Cao đẳng [2.16.01 - Biên bản thỏa thuận hợp tác, Hợp đồng đào tạo liên thông với các Trường].

Công tác tuyển sinh và đào tạo liên thông được thực hiện theo đúng quy định (đối tượng tuyển sinh, hình thức tuyển sinh, ngành đào tạo, thời gian đào tạo, phương thức tuyển sinh, hướng dẫn hồ sơ đăng ký dự thi, văn bằng cấp …) và được thông báo công khai trên website của trường và trong thông tin tuyển sinh liên thông [2.16.02 - Thông báo truyển sinh liên thông Cao đẳng]; [2.16.03 - Chương trình đào tạo liên thông]; [2.16.04 - Thông tư số 27/2017/TTBLĐTBXH quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 2.17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.***

Hiện nay, nhà trường đã có hệ thống cơ sở dữ liệu về các hoạt động tuyển sinh, đào tạo, quản lý đào tạo như thông tin sinh viên, kết quả học tập và được tổ chức quản lý, sử dụng theo đúng qui định của nhà trường [2.17.01 - Quyết định ban hành qui định về quản lý, sử dụng dữ liệu về các hoạt động đào tạo].

Hàng năm, nhà trường đã thực hiện báo cáo đánh giá về việc tổ chức quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu trong các hoạt động đào tạo [2.17.02 - Báo cáo công tác quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo].

Việc lập hồ sơ và quản lý hồ sơ, tài liệu, bảo quản sử dụng, hủy hồ sơ, tài liệu liên

quan đến hoạt động đào tạo thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

Nhà trường có đầy đủ văn bản phê duyệt danh sách người học trúng tuyển, văn bản phê duyệt danh sách người học nhập học hoặc phân lớp [2.17.03 - Danh sách người học trúng tuyển các năm học]; kết quả học tập môn học theo học kỳ, năm học, khóa học [2.17.04 - Bảng điểm tổng hợp kết quả học tập của người học theo học kỳ, năm học, khóa học]; hồ sơ công nhận kết quả tốt nghiệp cho người học các lớp, các khóa đào tạo [2.17.05 - Hồ sơ công nhận kết quả tốt nghiệp cho người học các lớp, các khóa đào tạo]; sổ cấp phát bằng tốt nghiệp [2.12.02 - Sổ cấp phát văn bằng, chứng chỉ]; hồ sơ khen thưởng, kỷ luật người học [2.17.06 - Hồ sơ khen thưởng, kỷ luật người học].

Dữ liệu người học ngoài quản lý, sử dụng, lưu trữ bằng văn bản, hồ sơ sổ sách còn được quản lý bằng phần mềm [2.9.03 - Phần mềm quản lý HSSV].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

## 3.2.2. Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động

Qua từng giai đoạn phát triển, trường đã xây dựng, đào tạo và bồi dưỡng được đội ngũ giáo viên trực tiếp giảng dạy và cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn cao, năng lực sư phạm và có trình độ quản lý tốt. Đặc biệt, Ban Giám hiệu nhà trường rất quan tâm đến việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, nghiệp vụ quản lý cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý. Xây dựng đội ngũ CBCNV có phẩm chất và năng lực thực hiện hiệu quả với các nhiệm vụ được giao là nhân tố quyết định sự thành công trong thực hiện nhiệm vụ đào tạo và phục vụ đào tạo trong nhà trường. Bên cạnh các chính sách đãi ngộ theo quy định, nhà trường còn tạo điều kiện thuận lợi giúp đội ngũ CBCNV học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đề ra các biện pháp đánh giá việc giảng dạy và phục vụ của CBCNV, giúp CBCNV có cơ sở cải tiến công tác giảng dạy và phục vụ giảng dạy.

Đặc biệt, trong những năm gần đây, việc tổ chức cho cán bộ, nhân viên, giáo viên đi thực tế doanh nghiệp, đến các đơn vị bạn để tiếp xúc thực tế, cập nhật những kiến thức, công nghệ mới vào nội dung bài giảng, cải tiến nội dung, chương trình môn học; để học hỏi kinh nghiệm, cách làm hay đã được quan tâm, đẩy mạnh.

Trên cơ sở các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản chỉ đạo của cấp trên, Trường đã tiến hành hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp lý cần thiết cho việc điều hành nhà trường trên các lĩnh vực tổ chức, lao động, tiền lương,…như: Quy chế tổ chức và hoạt động trường, Quy định chế độ công tác của giáo viên, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy định về tuyển dụng, Quy định về đánh giá và phân loại CBCNV, Quy chế thi đua, khen thưởng … làm cơ sở cho CBCNV thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, đồng thời làm căn cứ để đánh giá hiệu quả công tác, khen thưởng kịp thời, chấn chỉnh ngay các vi phạm, tạo động lực cho CBCNV hăng hái thi đua thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Mặc khác, các tổ chức đoàn thể cũng tổ chức nhiều phong trào thi đua để CBCNV ngày càng nhận thức rõ vai trò, vị trí của bản thân trong thực hiện nhiệm vụ góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh.

Nhà trường thường xuyên động viên, khuyến khích tạo điều kiện về thời gian và kinh

phí để cán bộ giáo viên được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, hoàn thiện các tiêu chuẩn giáo viên theo thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/03/2017 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội đã ban hành.

\* Những điểm mạnh

Trường đã xây dựng hệ thống các quy định, quy chế và tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan, được theo dõi, đánh giá thường xuyên; đảm bảo thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động theo quy định;

Đội ngũ giáo viên của Trường đạt chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của Bộ LĐ-TB&XH;

Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng đáp ứng được các tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ trường cao đẳng; nội bộ đoàn kết, phát huy cao tinh thần tập trung dân chủ; thực hiện đúng, đầy đủ chức trách, quyền hạn được giao; không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và trình độ lý luận chính trị, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;

Đội ngũ cán bộ quản lý của Trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định; đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao; thường xuyên được bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu công việc được giao;

Đội ngũ CBCNV nhiệt tình và ý thức trách nhiệm cao, luôn học hỏi, trau dồi nghề nghiệp và nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, đáp ứng được yêu cầu đổi mới công tác giảng dạy trong tình hình hiện nay, trình độ ngày càng được nâng cao.

\* Những tồn tại:

Do nguồn thu về tài chính của nhà trường hạn chế nên còn gặp nhiều khó khăn trong việc tuyển dụng, sử dụng đội ngũ giảng viên đặc biệt là giảng viên, giáo viên dạy tích hợp. Chưa có những người thật sự giỏi về chuyên môn, kỹ năng để rèn luyện kỹ năng, nhất là trong công tác rèn luyện nâng cao kỹ năng nghề cho người học tham gia các kỳ thi tay nghề giỏi của HSSV ở các cấp khác nhau.

Việc thâm nhập thực tế chủ yếu thông qua các đợt thực tập của HSSV, chưa tổ chức được nhiều Hội nghị, Hội thảo

\* Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Xây dựng và đề xuất cơ chế, chính sách phù hợp để tuyển dụng giáo viên có trình độ, năng lực chuyên môn cao về Trường và tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích GV,CB, NV đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, đặc biệt là trình độ tiến sĩ.

Tiếp tục cử cán bộ quản lý, viên chức và người lao động đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị.

Xây dựng quy hoạch và tạo điều kiện cho giảng viên đăng ký nghiên cứu sinh và đào tạo sau đại học. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để đội ngũ giảng viên nhà trường được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề phù hợp với ngành nghề giảng dạy và yêu cầu về

chuyên môn để giảng dạy thực hành.

Tuyên truyền để viên chức và người lao động nâng cao ý thức chấp hành nội quy, quy định của nhà trường; xây dựng các tiêu chí để đưa vào đánh giá, phân loại, khen thưởng cuối năm học; nghiêm khắc xử lý các cá nhân vi phạm.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác bồi dưỡng kinh nghiệm thực tiễn cho CBCNV nhất là giáo viên thông qua kế hoạch thực tế tại doanh nghiệp để rút kinh nghiệm nghề nghiệp và cập nhật công nghệ mới đáp ứng yêu cầu đào tạo nghề.

Thường xuyên kiểm tra, đánh giá công tác quản lý của cán bộ quản lý nhà trường. Tăng cường công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ quản lý. Tổ chức cho đội ngũ CBQL thường xuyên tham gia học hỏi kinh nghiệm những trường có bề dày về công tác quản lý.

***Tiêu chuẩn 3.1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.***

Căn cứ Điều lệ trường Cao đẳng, Nhà trường đã ban hành quy định về quy trình tuyển dụng, sử dụng CBCNV, ký kết hợp đồng [1.3.02 - Quy định về tuyển dụng]; [1.3.02 - Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường]; [1.3.02 - Quy định về công tác quy hoạch cán bộ]; [1.3.02 - Quy định về đánh giá, phân loại CBCNV]; [1.3.02 - Quy định về công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCNV].

Hệ thống các văn bản này đã giúp Trường tổ chức thực hiện công tác tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá được chất lượng, hiệu quả công tác của các đơn vị, cá nhân góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng quản lý.

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 3.2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định***

***.***

Căn cứ vào nhu cầu công việc và phục vụ cho yêu cầu phát triển của nhà trường, hằng năm, Trường tổ chức tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại CB, NLĐ theo quy định. Việc tuyển dụng, quản lý, sử dụng CB, NLĐ được thực hiện theo trình tự, thủ tục đã được quy định.

Nhà trường tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại giáo viên, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định [3.2.01 - Kế hoạch về Qui hoạch nguồn nhân sự cấp ủy và cán bộ lãnh đạo giai đoạn 2020 - 2025]. Hằng năm, trường có báo cáo kết quả tuyển dụng, sử dụng quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại giáo viên, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động [3.2.02 - Báo cáo công tác tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại giáo viên, cán bộ quản lý và người lao động]. Trong quá trình thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại giáo viên, cán bộ quản lý và người lao động đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan, không có sai phạm quy định cũng như việc thực hiện chính sách, chế độ cho giáo viên, cán bộ quản lý, người lao động [3.2.03 - Báo cáo công tác thực hiện chính sách, chế độ đối với giáo viên, cán bộ quản lý và người lao động]; [3.2.04 - Kết quả đánh giá, phân loại cán bộ, NLĐ].

Trường đã thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách cho CBCNV theo quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ [1.3.02 - Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 3.3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.***

Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo của Trường bao gồm số lượng giáo viên cơ hữu, giáo viên thỉnh giảng, cán bộ quản lý tham gia giảng dạy được thống kê và cập nhật thường xuyên theo đơn vị phòng/khoa, trình độ chuyên môn, học vị, chức danh, trình độ ngoại ngữ, tin học, môn giảng dạy… [3.3.01 - Danh sách trích ngang giáo viên của Trường].

Tất cả đội ngũ giáo viên đang giảng dạy ở các ngành nghề của Trường đều đảm bảo trình độ chuyên môn (tốt nghiệp đại học trở lên) phù hợp với ngành nghề đào tạo, trình độ sư phạm đạt chuẩn theo quy định của Bộ LĐ-TB&XH [3.3.02 - Thống kê trình độ giáo viên].

Phòng Tổ chức - Hành chính là đơn vị quản lý, lưu trữ Hồ sơ cán bộ. Các văn bằng, chứng chỉ về trình trình độ đào tạo, nghiệp vụ của giáo viên theo quy định được lưu trữ trong Hồ sơ quản lý giáo viên trường [3.3.03 - Hồ sơ quản lý Giáo viên].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 3.4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.***

Nhà trường luôn tạo điều kiện cho CBCNV thực hiện các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Bộ luật Lao động, Điều lệ trường cao đẳng và các văn bản hướng dẫn thi hành [3.4.01 - Bộ Luật Lao động]; [1.3.02 - Quyết định về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Trường].

Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật số 1 Nghệ An có 52 nhân sự trong đó 26 giáo viên (Thạc sĩ: 15; Đại học: 09; Cao đẳng: 01; Trình độ khác: 01), 14 cán bộ quản lý, 05 người lao động [3.3.01 - Danh sách trích ngang giáo viên các năm]; [3.4.01 - Danh sách trích ngang cán bộ quản lý và người lao động của trường], [3.4.02 - Hồ sơ quản lý cán bộ quản lý và người lao động].

Kết thúc năm học, Trường tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của trường, đơn vị và đánh giá, phân loại CBCNV theo đúng quy trình, quy định. Việc đánh giá, phân loại CBCNV căn cứ vào chức trách, nhiệm vụ được giao và kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng tháng, đồng thời dựa trên các quy tắc nghề nghiệp, quy tắc ứng xử của CBCNV và quy chế văn hóa công sở của nhà trường. Qua kết quả đánh giá xét thưởng hàng tháng cho thấy, số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và người lao động của trường thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình, không ai vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường [3.4.03 - Phiếu đăng ký thi đua của nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động]; [3.4.04 - Biên bản họp Hội đồng thi đua]; [3.4.05 - Thông báo về danh hiệu thi đua khen thưởng các năm].

Công tác đánh giá, phân loại CBCNV được thực hiện công khai, khách quan, công bằng, kết quả đánh giá được công bố công khai theo đúng quy trình. Sau khi thông báo kết quả đánh giá, phân loại CBCNV hàng năm, không có trường hợp khiếu nại hoặc không đồng ý với kết luận của Hiệu trưởng.

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 3.5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.***

Tất cả giáo viên của trường đều có kiến thức, kỹ năng nghề đáp ứng yêu cầu giảng dạy [3.3.01 - Danh sách trích ngang giáo viên].

Căn cứ Thông tư số 07/2017/BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về việc Hướng dẫn chế độ làm việc của giáo viên dạy nghề; nhà trường đã ban hành Quy định làm việc của giáo viên Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật số 1 Nghệ An [1.3.02 - Qui định về chế độ làm việc của CBCNV và giáo viên trường].

Thực hiện nhiệm vụ đào tạo, hàng năm phòng Đào tạo đã xây dựng kế hoạch và tiến độ đào tạo để tổ chức thực hiện. Kế hoạch và tiến độ đào tạo của trường được xây dựng cho từng khóa học theo từng học kỳ, năm học; trong đó thể hiện đầy đủ các môn học, mô đun và thời gian giảng dạy của từng giáo viên [2.5.02 - Kế hoạch đào tạo từng học kỳ, các năm học]; [2.5.05 - Tiến độ đào tạo từng học kỳ, các năm học]. Trên cơ sở đó, lãnh đạo các bộ môn lập kế hoạch phân công giáo viên từng học kỳ, các năm học.

Hàng năm, nhà trường thực hiện tuyển sinh theo chỉ tiêu đã đăng ký. Nhà trường luôn đảm bảo số lượng học sinh trong từng lớp học lý thuyết và thực hành đúng quy định [3.5.01 - Danh sách học sinh từng lớp]; [3.5.02 - Danh sách học sinh chia nhóm học thực hành].

Trên cơ sở Quy định chế độ làm việc của giáo viên và thống kê giờ giảng theo năm học của giáo viên hàng năm; Căn cứ Quy chế làm việc của giáo viên; kết thúc năm học phòng Đào tạo đều tổng hợp giờ giảng của giáo viên giảng dạy trong năm học để làm cơ sở thanh toán tiền dạy tăng giờ cho giáo viên [3.5.03 - Bảng thống kê giờ giảng của nhà giáo các năm].

Số lượng giáo viên cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào

tạo theo quy định, đảm bảo tỉ lệ quy đổi học sinh/giáo viên < = 20 [3.5.04 - Bảng thống kê tỷ lệ quy đổi học sinh/giáo viên], đảm bảo số lượng giáo viên có trình độ sau đại học >= 15% tổng số giáo viên của trường [3.5.05 - Danh sách giáo viên có trình độ Sau đại học].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.***

Căn cứ các chương trình đào tạo được ban hành vào mỗi năm học cho từng ngành, nghề [2.5.01 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo và Chương trình đào tạo các ngành], các khoa xây dựng chương trình môn học chi tiết, biên soạn đề cương bài giảng, giáo án, phân công giáo viên [2.6.01 - Bảng phân công giờ giảng], khoa thường xuyên họp thống nhất nội dung giảng dạy [3.6.01 - Biên bản họp khoa thống nhất nội dung giảng dạy], tổ chức dự giờ đánh giá chất lượng giảng dạy của giáo viên [3.6.02 - Biên bản dự giờ đánh giá chất lượng giảng dạy của giáo viên].

Căn cứ vào mục tiêu, nội dung chương trình và chương trình đã được phê duyệt, giáo viên xây dựng giáo án và tổ chức giảng dạy theo đúng nội dung, mục tiêu và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo. Các phòng chức năng được giao nhiệm vụ quản lý công tác giảng dạy của giáo viên, thường xuyên kiểm tra hồ sơ giảng dạy [3.6.03 - Thống kê kết quả kiểm tra sổ lên lớp, hồ sơ lên lớp của các khoa], Phòng Đào tạo tổ chức dự giờ đột xuất các giáo viên và báo cáo tình hình thực hiện quy chế, nề nếp của giáo viên trong quá trình giảng dạy [2.6.04 - Báo cáo tình hình thực hiện quy chế giảng dạy của giáo viên]

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 3.7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.***

Nhà trường xây dựng nhiều quy định về khuyến khích học tập, bồi dưỡng cũng như quy định mức hỗ trợ tài chính, giảm giờ dạy, đánh giá thi đua … cho giáo viên khi thực hiện việc học tập nâng cao trình độ [3.7.01 - Văn bản quy định điều kiện, chế độ được hưởng... của CBCNV khi học tập nâng cao trình độ].

Việc thực hiện các chính sách khuyến khích CBCNV - GV học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thể hiện tại quy chế chi tiêu nội bộ, khuyến khích CBCNV - GV đi học tiến sĩ, thạc sĩ và danh sách tổng hợp, thống kê các giáo viên đã được hưởng chế độ học bổng, khuyến khích đào tạo, bồi dưỡng [3.7.02 - Văn bản hỗ trợ tài chính cho giáo viên khi tham gia các lớp chuyên đề, học tập ngắn hạn, dài hạn].

Nhà trường còn có biện pháp khuyến khích giáo viên đổi mới phương pháp giảng dạy thông qua việc biểu dương, khen thưởng các cá nhân có thành tích xuất sắc trong các Hội giảng, Hội thi tay nghề… [3.7.03 - Văn bản khen thưởng giáo viên, CBCNV đạt thành tích tại các Hội thi, Hội giảng].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 3.8: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.***

Hàng năm, Trường đều yêu cầu các đơn vị xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCNV [3.8.01 - Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCNV - GV của Trường], đảm bảo đội ngũ cán bộ giáo viên, đặc biệt là đội ngũ CBCNV trẻ được tham gia các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Mỗi CB, GV cũng xây dựng kế hoạch riêng về tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Căn cứ đề xuất và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCNV của các đơn vị, Phòng Tổ chức -Hành chính tổng hợp xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng CBCNV chung của trường, kể cả cán bộ quy hoạch [3.8.01 - Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCNV - GV của Trường].

Trên cơ sở kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nhà trường đã tổ chức thực hiện các khóa đào tạo bồi dưỡng theo kế hoạch. Nhà trường đã cử nhiều lượt giáo viên tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng hàng năm [3.8.02 - Quyết định cử giáo viên tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng các năm].

Kết thúc các khóa học, giáo viên đều có giấy chứng nhận giáo viên đã hoàn thành khóa học bồi dưỡng [3.8.03 - Giấy chứng nhận hoàn thành khóa học bồi dưỡng của giáo viên].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 3.9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại doanh nghiệp để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành (nếu có).***

Ngoài việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy, hằng năm, Trường có kế hoạch cử giảng viên đi thực tế tại các doanh nghiệp để cập nhật kiến thức, nội dung mới vào bài giảng, chỉnh sửa, bổ sung nội dung, chương trình đào tạo phù hợp thực tế [3.9.01 - Quyết định cử giáo viên đi kiến tập thực tế tại các doanh nghiệp].

Sau các đợt thực tế doanh nghiệp, giảng viên đều có báo cáo kết quả thực hiện; cập nhật những kiến thức, công nghệ mới, … để bộ môn thống nhất đưa vào chương trình môn học [3.9.02 - Báo cáo của giáo viên về tình hình thực tế tại các doanh nghiệp].

Trong các hoạt động trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp giáo viên đã lưu giữ được nhiều hình ảnh có giá trị để phục vụ cho hoạt động giảng dạy sau này [3.9.03 - Ảnh chụp giáo viên đi thực tế tại cơ quan, doanh nghiệp].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 3.10: Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo***

Hàng năm, nhà trường đều có kế hoạch tổng kết, đánh giá công tác đào tạo bồi dưỡng đội ngũ CBCNV nói chung và giáo viên nói riêng [3.10.01 - Kế hoạch tổng kết, đánh giá công tác đào tạo bồi dưỡng] và tổ chức đánh giá công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo [3.10.02 - Báo cáo tổng kết, đánh giá công tác đào tạo bồi dưỡng].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 3.11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.***

Ban Giám Hiệu nhà trường được bổ nhiệm sau khi có quyết định thành lập trường. Ban Giám Hiệu được bổ nhiệm trực tiếp theo Quyết định của Liên đoàn Lao động tỉnh Nghệ An. Các thành viên trong Ban Giám Hiệu đáp ứng được các tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ trường cao đẳng hiện hành và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao. Hồ sơ trích ngang của BGH được thực hiện đầy đủ theo quy định của Điều lệ trường cao đẳng [3.11.01 - Lý lịch trích ngang Ban Giám Hiệu].

Hàng năm, nhà trường đều tổ chức đánh giá, xếp loại lãnh đạo trường [3.11.02 - Đánh giá, xếp loại lãnh đạo Trường]; để từ đó đánh giá, rút kinh nghiệm công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành nhằm phát huy những điểm mạnh và khắc phục những mặt hạn chế nhằm chỉ đạo, điều hành hoạt động của trường ngày một tốt hơn.

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 3.12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.***

Đội ngũ CBQL của Trường hiện nay bao gồm trưởng, phó các phòng/ khoa/ ban là 13 người, có đầy đủ danh sách trích ngang và đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định về văn bằng, chứng chỉ và sơ yếu lý lịch. [3.4.01 - Danh sách trích ngang cán bộ quản lý].

Căn cứ quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm cán bộ của Trường, đội ngũ CBQL của các đơn vị khi hết thời gian giữ chức vụ sẽ được thông báo thực hiện thủ tục bổ nhiệm lại [3.12.01 - Hồ sơ bổ nhiệm lại], năm 2022 nhà trường đã thực hiện bổ nhiệm lại 01 cán bộ và bổ nhiệm mới 04 cán bộ theo đúng quy định, quy trình bổ nhiệm của Liên đoàn Lao động tỉnh và của trường [3.12.2 - Quyết định bổ nhiệm].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 3.13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.***

Đội ngũ CBQL của trường gồm trưởng, phó các đơn vị phòng/ khoa/ ban có chuyên môn, nghiệp vụ đạt yêu cầu theo quy định, trình độ từ Đại học trở lên, có kinh nghiệm và năng lực quản lý đào tạo, thể hiện trong danh sách trích ngang [3.12.01 - Danh sách trích ngang cán bộ quản lý] và hồ sơ cán bộ được bộ phận nhân sự nhà trường lưu giữ.

Kế toán trưởng của Trường (Trưởng phòng Tài vụ), đạt đủ tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ bậc Đại học và có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng [3.13.01 - Hồ sơ Kế toán trưởng].

Vào cuối mỗi năm học, Trường thực hiện đánh giá CBQL thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao, 100% CBQL được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [3.13.02 - Bảng đánh giá, xếp loại cán bộ quản lý]; [3.13.03 - Các Quyết định khen thưởng].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 3.14: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.***

Để nâng cao chất lượng đội ngũ CBQL, đáp ứng nhiệm vụ được giao, hằng năm, Trường đều xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBQL về chuyên môn, năng lực quản lý, lý luận chính trị [3.14.01 - Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CBQL của Trường]. Dựa trên kế hoạch xây dựng, Trường tiến hành triển khai thực hiện, tổ chức cho CBQL học tập, bồi dưỡng bằng các hình thức: tham gia các khóa đào tạo chuyên môn, quản lý, lý luận chính trị do Thành ủy tổ chức; [3.14.02 - Danh sách cán bộ quản lý tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng].

Đặc biệt, đối với cán bộ quy hoạch, ngoài việc tự rèn luyện, tu dưỡng bản thân, tự xây dựng kế hoạch phấn đấu, đào tạo, bồi dưỡng, cán bộ quy hoạch đều được giao việc thực tế dưới sự hướng dẫn trực tiếp của trưởng đơn vị và BGH.

Hằng năm, Trường đều thực hiện đánh giá công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CBQL để rút kinh nghiệm và làm cơ sở xây dựng kế hoạch cho năm sau.

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 3.15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.***

Đội ngũ CBCNV - GV nhà trường hiện nay có số lượng là 46 người trong đó, giáo viên cơ hữu: 25 người (Tiến sĩ: 00; Thạc sĩ: 15; Đại học: 09, Trình độ khác: 01), [3.4.01 - Danh sách trích ngang của đội ngũ CBCNV - GV Trường].

Đội ngũ CBCNV nhà trường hiện nay có đầy đủ số lượng và chất lượng đáp ứng được nhu cầu đào tạo của nhà trường theo bảng thống kê trình độ chuyên môn, thời gian công tác, vị trí làm việc, trình độ lý luận chính trị, trình độ kỹ năng nghề nghiệp, nghiệp vụ sư phạm …, đảm bảo đầy đủ hồ sơ và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo quy định của cơ quan nhà nước [3.3.03 - Hồ sơ giáo viên]; [3.4.02 - Hồ sơ quản lý cán bộ quản lý và người lao động].

Chất lượng, trình độ của đội ngũ CBCNV nhà trường được thể hiện trong các báo cáo sơ kết, tổng kết hoạt động của nhà trường hàng quý, 6 tháng, năm …[1.6.05 - Báo cáo sơ kết, tổng kết hàng quý, 6 tháng, năm] và nhà trường cũng như các đơn vị cũng có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ CBCNV nhà trường ngày càng vững tri thức, giàu kinh nghiệm và lòng nhiệt huyết để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao [3.15.01 - Các văn bản liên quan đến việc tổ chức đào tạo, bồ dưỡng đội ngũ CBCNV - GV].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

## 3.2.4. Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình

Hiện nay, Trường tổ chức đào tạo ở trình độ cao đẳng, trung cấp với 05 ngành đào tạo. Trước khi tổ chức đào tạo, Trường đều xây dựng và ban hành đầy đủ chương trình đào tạo theo quy định. Chương trình đào tạo được nhà trường xây dựng trên cơ sở chương trình khung của Bộ LĐ–TB&XH. Tất cả các chương trình đào tạo đều thể hiện mục tiêu đào tạo rõ ràng, cấu trúc chương trình phù hợp, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ của trình độ đào tạo và nhu cầu xã hội. Các học phần, môn học trong chương trình đào tạo đều có giáo trình, đề cương chi tiết, hướng dẫn tài liệu tham khảo. Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia góp ý của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp; đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động. Chương trình đào tạo được định kỳ đánh giá bổ sung, điều chỉnh hàng năm, cập nhật kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp mới liên quan đến ngành, nghề đào tạo và có tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài và các trường hàng đầu trong nước. Nhà trường đã thiết kế các chương trình giáo dục theo hướng đảm bảo liên thông giữa các trình độ đào tạo và theo đúng qui định của Tổng cục dạy nghề, có sự kế thừa từ các trình độ thấp lên trình độ cao hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể học tập nâng cao trình độ sau này. Hằng năm đều tổ chức các hội nghị giao lưu giữa nhà trường với các nhà tuyển dụng, giữa nhà trường và cựu sinh viên nhằm tổng hợp ý kiến phản hồi về chương trình đào tạo, qua đó có sự bổ sung, điều chỉnh kịp thời nhằm đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội.

\* Những điểm mạnh

Trường có đầy đủ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp của các ngành, nghề trường đào tạo do Tổng cục GDNN cấp phép; Tất cả các chương trình đào tạo của trường đều được xây dựng dựa trên chương trình khung của Bộ LĐ–TB&XH;

Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định đầy đủ chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định;

Chương trình đào tạo của trường được xây dựng có sự tham gia góp ý của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, của doanh nghiệp; thường xuyên được cập nhật và điều chỉnh nhằm đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động;

Tất cả các học phần/môn học trong chương trình đào tạo của trường đều có giáo trình/đề cương bài giảng được biên soạn hoặc lựa chọn theo quy định. Tất cả giáo trình được trường lựa chọn hoặc biên soạn để làm tài liệu giảng dạy, học tập đều đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức và kỹ năng, phù hợp với mục tiêu đào tạo của trường

\* Những tồn tại

Nhà trường chưa tổ chức được những đợt khảo sát, điều tra lớn về nhu cầu của thị trường lao động cũng như ý kiến phản hồi của các đơn vị sử dụng nhân lực qua đào tạo của trường.

Việc cập nhật kiến thức thực tế vào chương trình đào tạo thường xuyên được thực hiện, tuy nhiên còn hạn chế trong việc đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động;

\* Kế hoạch nâng cao chất lượng

Tiến hành tổ chức khảo sát lấy ý kiến đóng góp nhận xét, đánh giá phản biện từ các chuyên gia, các doanh nghiệp, công ty, đơn vị sử dụng lao động.

Thường xuyên nghiên cứu thực tiễn sản xuất và thị trường lao động để có kế hoạch điều chỉnh chương trình đào tạo phù hợp, kịp thời; Mở rộng liên kết để đào tạo liên thông tất cả các ngành, nghề hiện có tại Trường

***Tiêu chuẩn 4.1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.***

Tất cả ngành đào tạo của Trường đều có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp do Tổng cục GDNN cấp phép [1.2.01 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp].

Toàn bộ chương trình đào tạo (theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp được cấp) đã được Trường ra quyết định phê duyệt, ban hành [2.5.01 - Quyết định phê duyệt các chương trình đào tạo của Hiệu trưởng].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 4.2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.***

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 03 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, nhà trường ban hành Quy định về xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo hệ Cao đẳng, Trung cấp [1.6.03 - Quyết định về việc thành lập Hội đồng xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo hệ Cao đẳng, Trung cấp của Trường].

Quá trình xây dựng chương trình đào tạo thực hiện theo đúng qui định đã ban hành. [4.2.01 - Quyết định thành lập ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo]; [4.2.02 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo]; [ 4.2.03 - Biên bản họp Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo]; [4.2.04 - Biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo]; [4.2.05 - Phiếu phản biện của các thành viên hội đồng thẩm định]; [2.5.01 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo]; [4.2.06 - Chương trình chi tiết học phần, môn học].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.***

Các chương trình đào tạo tại trường được xây dựng đúng quy định hiện hành [4.2.06 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo].

Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ [4.3.01 - Bảng tổng hợp gồm các nội dung: tên chương trình đào tạo nghề, mục tiêu chương trình đào tạo, phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả học tập của chương trình đào tạo].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.***

Hàng năm, nhà trường có tổ chức lấy ý kiến đóng góp chương trình đào tạo từ đại diện người sử dụng lao động và các HSSV của Trường để bổ sung nội dung thực tế vào chương trình đào tạo qua phiếu khảo sát ý kiến của người sử dụng lao động và phiếu khảo sát từ học viên của trường [4.4.01 - Tổng hợp kết quả lấy ý kiến CBCNV - GV và HSSV về chương trỉnh đào tạo].

Ngoài ra, Trường còn tổ chức lấy ý kiến đóng góp chương trình đào tạo từ CB, GV trong trường, giúp CTĐT được xây dựng luôn bám sát mục tiêu đào tạo của nhà trường thông qua Hội nghị Công nhân viên chức [4.4.02 - Biên bản Hội nghị CNVC].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.***

Chương trình đào tạo của Trường xây dựng đảm bảo tính khoa học, hệ thống, thực tiễn và linh hoạt, đáp ứng sự thay đổi của kỹ thuật công nghệ và thị trường lao động. Nội dung chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ. Bảo đảm tính hiện đại và hội nhập quốc tế, có xu hướng tiếp cận với trình độ đào tạo nghề nghiệp tiên tiến của khu vực và thế giới [2.8.02 - Chương trình đào tạo được điều chỉnh theo Thông tư 03]; [2.16.03 - Chương trình đào tạo liên thông].

Chương trình đào tạo của Trường thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật để đáp ứng với nhu cầu về sự thay đổi của thị trường lao động [4.5.01 - Dự báo về sự thay đổi của thị trường lao động]; [4.5.02 - Xây dựng kế hoạch và hoạt động đào tạo các năm]

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.***

Chương trình giáo dục của Trường được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông giữa các trình độ đào tạo theo quy định tại Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐ-TB&XH ban hành [4.6.01 - Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH].

Hiện tại, tất cả các chương trình đào tạo của Trường xây dựng đều có thể liên thông từ trung cấp lên cao đẳng [2.8.02 - Chương trình đào tạo được điều chỉnh theo Thông tư 03]. Ngoài ra, Trường liên kết với các trường Cao đẳng công nghệ Hà Tĩnh và trường Trung cấp Du lịch - Công nghệ số 9 Quảng Bình [2.16.01 - Các văn bản, biên bản thỏa thuận, hợp đồng liên kết với các Trường đào tạo liên thông].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 4.7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.***

Để chương trình đào tạo ngày càng hoàn thiện, đáp ứng nhu cầu xã hội, hằng năm Trường đều xây dựng kế hoạch đánh giá, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo, chương trình chi tiết theo định kỳ nhằm đáp ứng với nhu cầu của doanh nghiệp, nhà tuyển dụng [4.7.01 - Kế hoạch đánh giá, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo].

Nội dung chương trình đào tạo được biên soạn, bổ sung, điều chỉnh đều căn cứ vào đề xuất của bộ môn từ kết quả thâm nhập thực tế tại doanh nghiệp của giáo viên và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt [4.7.02 - Biên bản họp góp ý chương trình đào tạo của

các khoa].

Hàng năm, Trường đều tiến hành khảo sát lấy ý kiến của gíao viên, học viên, doanh nghiệp về chương trình đã được bổ sung, điều chỉnh nhằm đáp ứng với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp [4.7.03 - Các chương trình đào tạo được bổ sung, điều chỉnh].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 4.8: Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.***

Nhà trường luôn chú trọng chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo của Trường [4.7.02 – Biên bản họp góp ý chương trình đào tạo của các Khoa].

Hằng năm, Trường thường xuyên tổ chức cho giáo viên đi học tập thực tế tại các doanh nghiệp để tiếp cận thực tế; tổ chức các hội nghị giao lưu giữa nhà trường với các nhà tuyển dụng; hội thảo “Nhà trường - Nhà doanh nghiệp, sự đáp ứng giữa đào tạo và nhu cầu xã hội”, “Đào tạo gắn với nhu cầu doanh nghiệp”, qua đó nhà trường tiếp thu ý kiến phản hồi của doanh nghiệp về chương trình đào tạo của trường để điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo cho phù hợp với nhu cầu xã hội [4.7.03 - Các chương trình đào tạo được bổ sung, điều chỉnh].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 4.9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.***

Nhà trường đã ban hành Chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, Trung cấp các nghề đào tạo tại trường [2.5.01 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo bao gồm chương trình chi tiết mô đun, môn học], chương trình đào tạo liên thông từ trình độ Trung cấp lên Cao đẳng trên cơ sở rà soát, đối chiếu giữa 2 chương trình Cao đẳng và Trung cấp để xây dựng chương trình đào tạo liên thông [4.9.01 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo liên thông trình độ Trung cấp lên Cao đẳng].

Căn cứ kết quả rà soát, đối chiếu để xác định các mô đun, môn học người học không phải học lại để đảm bảo quyền lợi của người học [4.9.02 - Báo cáo kết quả rà soát các môn học/mô đun thực hiện đào tạo liên thông từ Trung cấp lên Cao đẳng]. Để đảm bảo quyền lợi cho người học khi học liên thông từ trình độ Trung cấp lên Cao đẳng, nhà trường ra quyết định ban hành qui định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học khi học liên thông từ trình độ Trung cấp lên Cao đẳng, liên thông giữa các nghề trong cùng ngành cùng trình độ để đảm bảo quyền lợi của người học [4.9.03 - Quyết định ban hành qui định miễn giảm môn học, mô đun khi học liên thông từ trình độ Trung cấp lên Cao đẳng, liên thông giữa các nghề trong cùng ngành cùng trình độ].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 4.10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.***

Hiện nay tất cả các học phần/môn học đều có giáo trình/đề cương bài giảng của từng chương trình đào tạo. Đối với các học phần/môn học đã có giáo trình, Trường thành lập Hội đồng thẩm định để lựa chọn giáo trình phù hợp các tiêu chí đề ra về mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo; đối với các học phần môn học chưa có giáo trình hoặc giáo trình chưa phù hợp.

Trường đã tổ chức biên soạn được 140 giáo trình/đề cương cho các học phần, môn học cho tất cả các ngành [4.10.01 - Thống kê số lượng giáo trình/đề cương đã biên soạn]. Toàn bộ giáo trình của trường đều có quyết định phê duyệt ban hành [4.10.02 – Các Quyết định phê duyệt, ban hành giáo trình].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 4.11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.***

Hằng năm, Trường đều có kế hoạch xây dựng giáo trình cho các học phần/môn học trong chương trình đào tạo chưa có giáo trình. Tất cả giáo trình/đề cương bài giảng khi biên soạn phải căn cứ vào chương trình chi tiết đã được duyệt. Các giáo trình/đề cương bài giảng trước khi đưa vào giảng dạy phải được hội đồng thẩm định thông qua. Toàn bộ giáo trình của từng chương trình đào tạo của Trường đều có quyết định phê duyệt, ban hành [4.2.06 - Chương trình chi tiết học phần, môn học]; [4.10.02 - Các Quyết định phê duyệt, ban hành giáo trình].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 4.12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.***

Trong những năm qua, trường đã huy động đội ngũ cán bộ, giáo viên các khoa chuyên môn tham gia biên soạn giáo trình, trường đã biên soạn và đưa vào giảng dạy giáo trình [4.10.03 - Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học].

Trong quá trình thẩm định các giáo trình, Hội đồng thẩm định làm việc có kế hoạch, đúng quy trình. Các giáo trình qua các phiên họp thẩm định đều có kết luận của Chủ tịch Hội đồng trước khi bỏ phiếu thông qua, các kết luận đều có nhận xét về mức độ cụ thể hoá các yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ trong chương trình đào tạo, tạo điều kiện để giáo viên thực hiện phương pháp dạy học tích cực, kết hợp nhiều phần mềm ứng dụng, nghiên cứu biên soạn bài giảng điện tử, mô đun thực hành, thiết kế bài tập theo hướng tích cực hoá người học [4.12.01 - Hồ sơ, biên bản phản biện, biên bản nghiệm thu của Hội đồng thẩm định tất cả các giáo trình].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 4.13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.***

Căn cứ chương trình đào tạo các nghề bao gồm chương trình chi tiết các môn học, mô đun, lập kế hoạch biên soạn/ lựa chọn giáo trình đào tạo phù hợp với mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo.

Các khoa tiến hành biên soạn/ lựa chọn giáo trình đào tạo, tổ chức thẩm định và đưa vào sử dụng [4.13.01 - Quyết định phê duyệt và đưa vào sử dụng các giáo trình đào tạo].

Tất cả các bản in giáo trình đào tạo các mô-đun, môn học chuyên môn được cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học, thuận lợi cho việc thực hiện phương pháp dạy học tích cực [4.13.02 - Bản in giáo trình các mô-đun, môn học].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 4.14: Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.***

Hàng năm, trường đều thực hiện việc thu thập những ý kiến nhận xét, đánh giá của cán bộ, giáo viên, học viên về chất lượng giáo trình giảng dạy đáp ứng các yêu cầu cụ thể hoá về nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ cần đạt trong chương trình đào tạo. Nhà trường đã thực hiện khảo sát chất lượng giáo trình của các nghề đang đào tạo, tất cả các giáo trình trên đều có các phiếu thu thập ý kiến nhận xét đánh giá của cán bộ, giáo viên, người học về chất lượng giáo trình đáp ứng các yêu cầu cụ thể hóa về nội dung kiến thức, kỹ năng thái độ cần đạt trong các chương trình đào tạo, cụ thể trường có thống kê danh mục giáo trình; có Kế hoạch thu thập ý kiến nhận xét đánh giá của cán bộ, giáo viên, người học về chất lượng giáo trình đáp ứng các yêu cầu cụ thể hoá về nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ cần đạt trong chương trình đào tạo, từng năm; báo cáo kết quả việc thực hiện theo kế hoạch năm 2022; báo cáo về việc sử dụng kết quả thực hiện thu thập ý kiến. [4.14.01 - Biểu mẫu lấy ý kiến phản hồi từ học viên về chất lượng giáo trình của các nghề đang đào tạo], [4.14.02 - Báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi từ học viên]

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 4.15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.***

Chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên chương trình khung của Bộ Lao động TB&XH và đặc thù riêng của nhà trường. Để chương trình đào tạo ngày càng hoàn thiện, đáp ứng nhu cầu xã hội, hàng năm nhà trường đều xây dựng kế hoạch đánh giá, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần/môn học [4.15.01 - Kế hoạch đánh giá, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần/môn học].

Nội dung chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần/môn học được bổ sung, điều chỉnh đều căn cứ vào đề xuất của bộ môn, từ kết quả thâm nhập thực tế tại doanh nghiệp của giáo viên và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt. [3.9.02 - Báo cáo kết quả thực tế doanh nghiệp của các giáo viên].

Căn cứ vào đề cương chi tiết học phần/môn học đã được điều chỉnh, các bộ môn tổ chức cập nhật và điều chỉnh giáo trình đảm bảo yêu cầu theo quy định.

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

## 3.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật số 1 Nghệ An được nằm trên trục đường chính gần quốc lộ 1A, giao thông thuận tiện và an toàn. Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Tổng diện tích đất các địa điểm hoạt động của trường: 42.000m2 gồm tương đối đầy đủ các khối công trình chức năng phục vụ học tập, làm việc, rèn luyện thể chất và sinh hoạt. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu của các hoạt động dạy nghề. Các hạng mục chính mà nhà trường được đầu tư là trang thiết bị dạy nghề. Hầu hết các trang thiết bị, máy móc đều đúng chủng loại, đạt chuẩn về kỹ thuật, phù hợp với các nghề mà trường đang đào tạo đáp ứng được yêu cầu đào tạo nghề theo 3 cấp trình độ, đặc biệt là trình độ Cao đẳng nghề

+ Khu Hiệu bộ: 2.991 m2

+ Phòng học: 4354 m2

+ Xưởng thực hành: 3672m2 (4 xưởng bếp, 5 xưởng thực hành khoa Cơ khí Động lực, 3 xưởng thực hành khoa Điện, 2 xưởng thực hành khoa May thời trang)

+ Hội trường: 01 nhà với sức chứa 400 người

+ Ký túc xá: 6.195m2

+ Khu thể thao: 20.000 m2

+ Diện tích khác: 784m2.

- Hằng năm, Trường đều dành nguồn kinh phí để sửa chữa, nâng cấp, đầu tư thiết bị máy móc, đáp ứng ngày một tốt hơn cho công tác giảng dạy và học tập của giáo viên và HSSV. Hầu hết các trang thiết bị, máy móc đều đúng chủng loại, đạt chuẩn về kỹ thuật, phù hợp với các nghề mà trường đang đào tạo đáp ứng được yêu cầu đào tạo nghề theo 3 cấp trình độ, đặc biệt là trình độ Cao đẳng nghề. Trong những năm gần đây Nhà trường đã và đang tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất khu liên hợp thể thao nhằm đáp ứng nhu cầu giáo dục thể chất, vui chơi giải trí cho CB, GV và HSSV.

\* Những điểm mạnh:

Địa điểm xây dựng Trường nằm trên trục đường chính gần quốc lộ 1A, có hệ thống giao thông thuận tiện, an toàn; thuận lợi cho việc đi lại; Cơ sở vật chất của Trường đảm bảo cho công tác giảng dạy và học tập: Phòng học, xưởng thực hành bảo đảm quy chuẩn xây dựng, các thiết bị đào tạo hiện đại đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề được cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp quy định; Hệ thống cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện luôn được nhà trường quan tâm đầu tư kinh phí để mua sắm mới, sửa chữa, nâng cấp và mở rộng nhằm hướng tới mục tiêu phục vụ công tác đào tạo được tốt hơn. Các hệ thống này được quy hoạch hợp lý tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý và phối hợp giữa các đơn vị trong nhà trường. Nhà trường luôn nhận được sự ủng hộ của cấp trên cũng như của địa phương đối với công tác quy hoạch tổng thể về phát triển cơ sở vật chất, đồng thời đầu tư nguồn vốn, kinh phí để trường có điều kiện xây dựng mới, mua sắm mới các máy móc, thiết bị hiện đại phục vụ cho công tác giảng dạy cũng như học tập.

\* Những tồn tại:

- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản Nhà trường chưa được đầu tư kịp thời.

- Việc đầu tư mua sắm trang thiết bị hàng năm vẫn còn hạn chế số lượng do nhà trường không chủ động được nguồn kinh phí.

- Việc bảo dưỡng trang thiết bị tại các khoa đa số đều tốt tuy nhiên cũng còn một số ít thiết bị chưa được bảo quản đúng qui định.

- Việc xây dựng các phòng giảng dạy tích hợp chưa được nhiều, cơ sở vật chất trang bị chưa được thật hoàn chỉnh nên còn ảnh hưởng ít nhiều đến công tác giảng dạy.

\* Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Những năm tiếp theo, Nhà trường tiếp tục đề xuất đến các cấp có thẩm quyền đẩy mạnh đầu tư cơ sở vật chất theo các mô hình phục vụ dạy nghề hợp lý theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội như xây dựng các phòng giảng dạy tích hợp cho những ngành/nghề phù hợp, hệ thống các máy móc thiết bị, mô hình công cụ phục vụ cho giảng dạy hiện đại, tăng cường hiệu quả sử dụng của hệ thống phòng học, phòng thực hành của nhà trường.

Tích cực tìm kiếm nguồn đầu tư, chủ động về nguồn lực tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của nhà trường.

***Tiêu chuẩn 5.1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.***

Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật số 1 Nghệ an có địa chỉ tại Km số 1 đường Lê nin, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ an với diện tích là 40.000 m2. Địa điểm xây dựng của Trường có đầy đủ hồ sơ bao gồm văn bản quyết định thành lập trường [1.1.01 - Quyết định thành lập Trường]; sơ đồ, bản đồ quy hoạch thể hiện địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Địa điểm xây dựng đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập, giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp thải ra chất độc hại [5.1.01 - Bản vẽ tổng thể mặt bằng hiện trạng của trường].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 5.2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.***

Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên Trường tương đối hợp lý, phù hợp với công năng và yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm [5.1.01 - Bản vẽ tổng thể mặt bằng hiện trạng; [5.2.01 - Hồ sơ xây dựng, thiết kế mặt bằng, giấy phép xây dựng].

Nhà trường có diện tích đất xây dựng tại khu A là 22.000m2, khu B là 20.000m2, diện tích phòng học là 4354m2, diện tích xưởng thực hành thực tập là 3.672m2, kí túc xá là 6195m2, thư viện là 170m2, khu hiệu bộ là 2991m2 ... Với số liệu này đảm bảo về mật độ công trình từ 20 - 40%. Khu vực cây xanh được nhà trường quy hoạch dọc theo hệ thống được giao thông nội bộ trường, khu vực quanh khu hiệu bộ, khu ký túc xá, khu giảng đường.

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 5.3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.***

Nhà trường có đầy đủ hệ thống các khu vực phục vụ hoạt động theo tiêu chuẩn đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu khoa học, thực hành, rèn luyện thể chất, làm việc, phục vụ sinh hoạt cho người học và cán bộ công nhân viên chức trong trường [5.2.01 - Hồ sơ xây dựng, thiết kế mặt bằng, giấy phép xây dựng]. Khu học tập với 19 phòng học lý thuyết; 01 phòng học thực hành tin học có, 14 xưởng thực hành (4 xưởng bếp, 5 xưởng thực hành khoa Cơ khí Động lực, 3 xưởng thực hành khoa Điện, 2 xưởng thực hành khoa May thời trang). 01 Hội trường lớn, 01 khu Ký túc xá [5.3.01 - Thống kê cơ sở vật chất tính đến ngày 31/12/2022].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 5.4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định..***

Hồ sơ xây dựng, thiết kế mặt bằng khuôn viên Trường theo đúng quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của Trường như đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định [5.4.01 - Văn bản của cơ quan có thẩm quyền đánh giá đảm bảo về PCCC].

Nhà trường luôn đảm bảo yêu cầu về công tác phòng cháy, chữa cháy được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thực tế, đánh giá và công nhận thể hiện bằng văn bản kiểm tra định kỳ hằng quý trong năm [5.4.02 - Kế hoạch thực hiện bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 5.5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.***

Trường đã có hệ thống phòng học lý thuyết, xưởng thực hành cơ bản đáp ứng quy mô đào tạo theo các ngành nghề đào tạo gồm: 01 giảng đường với 19 phòng học lý thuyết; 14 xưởng thực hành; [5.2.01 - Hồ sơ thiết kế xây dựng trường]; [5.5.01 - Hồ sơ, bản vẽ thiết kế khu giảng đường, xưởng thực hành]. Các công trình trong nhà trường được sử dụng hết công năng.

Xưởng thực hành có nội quy quy định việc thực hành tại xưởng, quy trình vận hành thiết bị, máy móc, các trang thiết bị được bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ đảm bảo hoạt động bình thường. [5.5.02 - Các nội quy phòng học, xưởng thực hành, nội quy sử dụng thiết bị, máy móc]; [5.5.03 - Hồ sơ kiểm kê tài sản, trang thiết bị hàng năm]; [5.5.04 - Báo cáo kết quả công tác quản lý và bảo dưỡng cơ sở vật chất hàng năm].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 5.6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.***

Trường ban hành đầy đủ các quy chế, quy định về bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị nhằm hướng dẫn sử dụng và bảo quản trang thiết bị được sử dụng đúng mục đích yêu cầu và mang lại hiệu quả cao. [5.6.01 - Quy định quản lý, sử dụng tài sản, thiết bị]; [5.6.02 - Quy định bảo trì, bảo dưỡng thiết bị]; [5.5.03 - Nội quy phòng học, nội quy sử dụng thiết bị, máy móc]

Việc bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ do đơn vị sử dụng trang thiết bị thực hiện nhằm đảm bảo yêu cầu kỹ thuật khi vận hành, tăng cường tính hiệu quả sử dụng của máy móc thiết bị [5.6.03 - Kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị hàng năm], các trang thiết bị đều có hồ sơ theo dõi [5.6.04 - Hồ sơ quản lý, bảo dưỡng các trang thiết bị hàng năm], [5.5.05 - Báo cáo công tác quản lý bảo dưỡng các trang thiết bị hàng năm].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 5.7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.***

Mỗi học kỳ và năm học, Trường có các báo cáo, khảo sát thực tế cho thấy hệ thống phòng học, giảng đường, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng đúng công năng theo quy định, thiết kế [5.7.01 - Báo cáo tình hình sử dụng phòng học, phòng chức năng, xưởng thực hành].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 5.8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.***

Các trang thiết bị hiện có của nhà trường đảm bảo chất lượng, phù hợp với công nghệ sản xuất, phù hợp với các ngành nghề đào tạo trong giai đoạn hiện nay. Thiết bị máy móc, dụng cụ, phục vụ các hoạt động giảng dạy thực hành được đầu tư mua sắm đáp ứng đúng về chủng loại, công năng, thông số kỹ thuật, mỹ thuật và đảm bảo các yêu cầu về sức khỏe, vệ sinh an toàn [5.8.01 - Danh mục tài sản, thiết bị đào tạo], [5.8.02 - Biên bản bàn giao thiết bị xưởng thực hành]. Đa số các nghề đào tạo của nhà trường hiện nay về cơ bản đủ trang thiết bị thực hành, thực tập của học sinh. Trong các giờ thực hành đảm bảo số lượng 15-20 học sinh trong một nhóm, vì thế xưởng thực hành cơ bản đều có đủ thiết bị, dụng cụ đảm bảo cho giờ học thực hành.

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 5.9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.***

Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện. tất cả được được trang bị hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước [5.9.01 - Bản vẽ thiết kế đường điện trong trường]; [5.9.02 - Hợp đồng cung cấp nước]; [5.9.03 - Hồ sơ lắp đặt đường ống cấp và thoát nước trong trường].

Để đảm bảo vệ sinh chung trường có nhân viên thực hiện vệ sinh hàng ngày, đồng thời nhà trường còn phân công lao động vệ sinh về các lớp thực hiện đảm bảo môi trường học tập vệ sinh sạch sẽ [5.9.04 - Hợp đồng lao động với nhân viên vệ sinh].

Trang thiết bị, dụng cụ tại xưởng thực hành được bố trí hợp lý, khoa học, đảm bảo không gian an toàn, vị trí kết nối máy móc thiết bị với các nguồn điện, nguồn nước an toàn và thuận tiện trong việc vận hành thiết bị. Đảm bảo an toàn tuyệt đối, dễ dàng cho việc đi lại, bảo hành và bảo dưỡng [5.9.05 - Hồ sơ mua sắm thiết bị]. Trong quá trình học tập và giảng dạy tại xưởng thực hành, công tác đảm bảo an toàn khi thực tập và vệ sinh công nghiệp khi học tập, đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình lắp đặt, vận hành bảo dưỡng trang thiết bị dụng cụ trong xưởng thực hành đều được chú trọng và tuân thủ nghiêm ngặt theo đúng quy định nội quy của xưởng thực hành [5.5.02 - Nội quy phòng học, xưởng thực hành, nội quy sử dụng thiết bị, máy móc].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 5.10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.***

Trường có đầy đủ văn bản quy định quản lý, theo dõi, hướng dẫn việc sử dụng tài sản, bảo quản tài sản trang thiết bị của các đơn vị được tổ chức thường xuyên [5.6.01 - Quy định quản lý, sử dụng tài sản, thiết bị]; [5.6.02 - Quy định bảo trì, bảo dưỡng thiết bị]; trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá, trên cơ sở đó đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo [5.10.01 - Báo cáo định kỳ đánh giá hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo].

Hàng năm nhà trường thực hiện kế hoạch tổng kiểm kê tài sản, trang thiết bị, đánh giá mức độ % còn sử dụng, phân loại, thanh lý những thiết bị cũ, hư hỏng, lạc hậu không còn phù hợp cho công tác đào tạo của nhà trường [5.5.03 - Hồ sơ kiểm kê tài sản, trang thiết bị hàng năm]

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 5.11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hằng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.***

Hệ thống quản lý trang thiết bị tại trường được thực hiện theo quy định quản lý và sử dụng tài sản, vật tư thiết bị, trong đó quy định rõ phân loại tài sản, quy mô tài sản, quy trình quản lý tài sản từ khi đề xuất mua bán, giao nhận, sử dụng thanh lý thu hồi. Hàng năm nhà trường đều có báo cáo đánh giá việc cấp phát, thu nhận trang thiết bị và tiến hành tổng kiểm kê tài sản, trang thiết bị, đánh giá phân loại và thanh lý những thiết bị cũ hỏng. Lập kế hoạch mua sắm thiết bị đồ dùng bổ sung [5.6.04 - Hồ sơ quản lý bảo dưỡng các trang thiết bị hàng năm], [5.5.03 - Hồ sơ kiểm kê tài sản, trang thiết bị hàng năm], [5.11.01 - Sổ tài sản chung của trường], [5.11.02 - Phiếu đề xuất mua sắm thiết bị]. Các thiết bị được sử dụng đúng công năng có cán bộ quản lý thường xuyên kiểm tra, vệ sinh các thiết bị sau mỗi giờ thực hành. Các thiết bị thường xuyên được kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa hoặc nâng cấp nhằm đảm bảo tốt nhất các điều kiện phục vụ công tác đào tạo và các hoạt động khác trong nhà trường [5.11.03 - Phiếu báo hỏng thiết bị]; [5.11.04 - Hợp đồng sửa chữa], [5.11.05 - Hóa đơn thanh toán, hợp đồng]

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 5.12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.***

Trường có đầy đủ văn bản quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo [5.12.01 - Quy định về quản lý và cấp phát vật tư].

Hàng năm, Trường lập các kế hoạch đào tạo, sổ theo dõi cấp phát, các đề nghị cấp phát vật tư [5.12.02 - Sổ theo dõi cấp phát vật tư].

Lập báo cáo và thực hiện việc cấp phát vật tư theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo [5.12.03 - Đề nghị mua và cấp phát vật tư].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 5.13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.***

Trường có thư viện với tổng diện tích 170m2. Số lượng tài liệu, giáo trình, sách báo, tạp chí hiện có trong hệ thống thư viện trường đủ cho HSSV tham khảo và học tập [5.13.01 - Quy chế quản lý và sử dụng thư viện].

Hằng năm, thư viện trường đều được bổ sung thêm các tài liệu, đầu sách mới đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của CBCNV và HSSV [5.13.02 - Danh mục tài liệu, giáo trình đề xuất bổ sung].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 5. 14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.***

Thư viện Trường hiện có 570 đầu sách tham khảo, sách kỹ thuật cần thiết cho công tác đào tạo của Nhà trường [5.14.01 - Danh sách các đầu sách]

Thư viện có nội quy, bảng hướng dẫn tra cứu được niêm yết công khai tại các phòng phục vụ [5.14.02 - Nội quy thư viện]

Thư viện phục vụ năm ngày/tuần, từ thứ Hai đến thứ Sáu (sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ đến 16 giờ 30), theo hai hình thức:

- Cho người học mượn về nghiên cứu: mượn giáo trình theo đơn vị lớp trong suốt quá trình học theo kế hoạch đào tạo, sau khi thi kết môn học người học hoàn trả sách đúng thời gian quy định [5.14.03 - Sổ theo dõi mượn - trả sách]

- Cho người học mượn tài liệu, giáo trình xem tại phòng đọc. Thư viện tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho người học.

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 5.15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.***

Thư viện của trường hiện chưa sử dụng phần mềm quản lý và tra cứu tài liệu trên mạng. Công tác số hóa các giáo trình, tài liệu tham khảo, để tích hợp vào hệ thống thư viện điện tử của nhà trường vẫn chưa được tiến hành xây dựng. Thông qua kết quả tự đánh giá chất lượng này, nhà trường sẽ có kế hoạch xây dựng hoàn thiện thư viện điện tử và số hóa giáo trình, tài liệu tham khảo để tích hợp với thư viện điện tử, giúp cho học sinh tiếp cận với kiến thức của môn học được dễ dàng hơn.

**Điểm tự đánh giá: 0 điểm**

## 3.2.6. Tiêu chí 6 : Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế

Hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) là một nhiệm vụ bắt buộc đối với mỗi giảng viên và luôn được nhà trường quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi. Nhiệm vụ NCKH luôn được Chi ủy, Ban giám hiệu nhà trường động viên, khuyến khích đội ngũ giáo viên, giảng viên nhiệt tình tham gia. Sự khuyến khích đó được thể hiện thông qua các quy chế ưu đãi về tài chính, khối lượng công tác và thời gian. Hoạt động NHCK, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế được xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch hàng năm và đã có những kết quả nhất định cùng với các hoạt động chuyên môn khác giúp nhà trường hoàn thành được vai trò và sứ mệnh của mình.

\* Những điểm mạnh:

Cán bộ, giảng viên được tạo điều kiện thuận lợi để nâng cao năng lực NCKH thông qua việc đào tạo nâng cao trình độ, tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng, hội nghị, hội thảo... Hằng năm, nhà trường đều dành một khoản kinh phí nhất định và tăng cường cơ sở vật chất phục vụ công tác NCKH và phát huy sáng kiến, cải tiến trong cán bộ, giáo viên.

\* Những tồn tại:

Số lượng, chất lượng và quy mô của các công trình nghiên cứu khoa học còn hạn chế. Số lượng các bài viết đăng trên các tạp chí chuyên ngành còn ít.

Các hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động đào tạo như xây dựng giáo trình, sách tham khảo, bài giảng, đổi mới phương pháp giảng dạy, ... chưa được phát huy đúng mức, cần được quan tâm hơn trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động khoa học và hợp tác quốc tế hàng năm.

Do nguồn thu tài chính của nhà trường không lớn nên nguồn kinh phí của nhà trường dành cho hoạt động NCKH và hợp tác quốc tế chưa nhiều.

\* Kế hoạch nâng cao chất lượng

Nhà trường tiếp tục tăng cường tìm kiếm cơ hội và cử cán bộ, giáo viên đi đào tạo, tham gia hội nghị, hội thảo ở các trường trong và ngoài nước. Tận dụng triệt để các dự án hỗ trợ phát triển giáo dục và đào tạo của các quốc gia và các tổ chức phi chính phủ hoạt động tại Việt Nam.

Khuyến khích, động viên các giảng viên tìm kiếm, đăng ký thực hiện các đề tài cấp Tỉnh, cấp Bộ để tranh thủ các nguồn tài chính NCKH của các cấp các ngành.

Mở rộng đối tượng tham gia nghiên cứu khoa học cấp trường, đồng thời nhanh chóng xuất bản tập san đề phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học của trường. Hàng năm, khuyến khích giáo viên có các bài báo, công trình nghiên cứu khoa học đăng trên các báo, tạp chí, các ấn phẩm.

***Tiêu chuẩn 6.1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.***

Để khuyến khích cán bộ, giáo viên và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ, trường có quy định cụ thể được thể hiện trong Quy chế chi tiêu nội bộ của trường [1.3.02 - Quy chế chi tiêu nội bộ của trường].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 6.2:* *Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).***

Trường luôn khuyến khích cán bộ, giáo viên nghiên cứu khoa học và đưa ra các sáng kiến cải tiến trong quá trình công tác, nhưng các năm học trước trường chưa có quy chế rõ ràng nên công tác nghiên cứu chưa có kết quả tốt. Trường đã có Quy chế nghiên cứu khoa học [6.2.01 - Quy chế nghiên cứu khoa học] và cán bộ, giáo viên trong nhà trường đã thực hiện nghiên cứu khoa học [6.2.02 - Danh sách các sáng kiến cải tiến].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 6.3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.***

Năm 2022, Trường có bài báo đăng trên Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương, số 613 tháng 6 năm 2022 với nội dung nghiên cứu: “Phát triển du lịch cộng đồng ở các huyện miền núi phía Tây tỉnh Nghệ An” [6.3.01 - Nội dung bài báo].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 6.4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.***

Năm 2023, Trường có 06 đề tài, sáng kiến cải tiến được ứng dụng thực tiễn [6.4.01 – Các sáng kiến kinh nghiệm].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 6.5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.***

Trong thời gian qua, Nhà trường chưa có triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế.

**Điểm tự đánh giá: 0 điểm**

## 3.2.7. Tiêu chí 7 : Quản lý tài chính

Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật số 1 Nghệ An là đơn vị sự nghiệp có thu trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Nguồn tài chính của Trường chủ yếu là từ nguồn ngân sách Nhà nước cấp và nguồn thu học phí, lệ phí. Nhà trường có một hệ thống quản lý tài chính chặt chẽ phù hợp với các quy định của pháp luật về chế độ kế toán, kiểm toán, thực hiện phân bổ và sử dụng nguồn tài chính hợp lý, công khai, minh bạch và có hiệu quả. Lãnh đạo Trường ý thức cao về việc xây dựng hành lang pháp lý cho công tác tài chính bằng những văn bản quy định về thu, chi và xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ. Trường đã có nhiều giải pháp tích cực để công tác tài chính của nhà trường đi vào nề nếp, đảm bảo đáp ứng việc thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ cơ bản trong kế hoạch của nhà trường về công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ chuyên môn khác; hoàn thiện việc tổ chức bộ máy kế toán theo các hướng dẫn thi hành luật kế toán, ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chế độ kế toán; hướng dẫn quy trình lập kế hoạch, tạm ứng và thanh toán cho các đơn vị sử dụng kinh phí…

\* Những điểm mạnh:

Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai;

Việc quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng quy định pháp luật của nhà nước về thuế;

Trường có nguồn lực tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của nhà trường đào tạo, nghiên cứu khoa học và thu nhập cho CB, GV, CNV;

Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí đúng quy định;

Công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định được nhà trường thực hiện nghiêm túc, xử lý khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc khi có góp ý, kết luận của các cơ quan có thẩm quyền và được công khai tài chính rộng rãi trước hội nghị CBCNV;

Hằng năm, Trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường, có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường,

Trường lập kế hoạch đào tạo, trên cơ sở đó xây dựng dự toán thu, chi ngân sách theo định mức, tiêu chuẩn, chế độ quy định đồng thời phù hợp với mục tiêu, chiến lược phát triển của nhà trường. Công tác tài chính của Trường đạt chuẩn theo hướng dẫn về biểu mẫu quy định, đáp ứng yêu cầu về nội dung, phục vụ toàn bộ các hoạt động trong năm của nhà trường và chấp hành chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước.

\* Những tồn tại:

Nguồn tài chính chủ yếu của nhà trường vẫn là ngân sách do Nhà nước cấp, các khoản thu sự nghiệp và các khoản thu khác của nhà trường chưa nhiều, chính vì vậy mà nguồn kinh phí nhà trường đầu tư được trích ra từ các nguồn thu của nhà trường (không bao gồm nguồn thu nhà nước cấp) phục vụ cho các hoạt động giáo dục đào tạo nghề nghiệp của nhà trường chưa được nhiều. Doanh thu từ các hoạt động chưa nhiều. Đa phần học sinh sinh viên được hưởng chế độ miễn giảm học phí, cho nên nguồn thu từ dịch vụ đào tạo không đáng kể.

Tính ổn định và lâu dài trong xây dựng các quy định, quy chế còn hạn chế, dẫn đến việc sửa đổi bổ sung các quy định, quy chế thường xuyên làm ảnh hưởng không nhỏ trong công tác quản lý tài chính.

\* Kế hoạch đảm bảo chất lượng:

Tiến tới xây dựng cơ chế quản lý tài chính, giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm,

tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị hoạt động khai thác thế mạnh đem lại nguồn thu ổn định, hợp pháp cho Trường. Tiến hành tự kiểm tra định kỳ, thường xuyên để kịp thời chấn chỉnh những vi phạm trong nguyên tắc quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí và báo cáo kết quả tự kiểm tra lên đơn vị cấp trên, công khai minh bạch trước toàn thể CBCNV.

Tăng cường công tác tuyển sinh chính quy, liện thông liên kết, đào tạo nghề ngn hạn nhằm tăng nguồn thu cho nhà trường.

Thực hiện việc tìm kiếm thêm các hợp đồng đào tạo theo địa chỉ và đào tạo kết hợp thực tập sản xuất nhằm gắn đào tạo với nhu cầu xã hội.

***Tiêu chuẩn 7.1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.***

Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định của Bộ Tài chính và Chính phủ được thể hiện trong quy chế chi tiêu nội bộ [1.3.02 - Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường], quy chế này được bổ sung, điều chỉnh phù hợp với chính sách chế độ nhà nước hiện hành và thực tế của nhà trường. Các nguồn tài chính của Trường đều hợp pháp và sử dụng đúng mục đích, phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của Trường.

Hàng năm nhà trường đều có báo cáo công tác tài chính nhằm công khai, minh bạch việc thực hiện quản lý, sử dụng, thanh quyết toán tài chính tại hội nghị sơ kết, tổng kết năm học và hội nghị công chức, viên chức lao động [7.1.01 - Báo cáo công tác tài chính tại hội nghị sơ kết, tổng kết năm, hội nghị công chức, viên chức, người lao động]

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 7.2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.***

Nguồn thu của nhà trường có hai nguồn chính đó là từ nguồn ngân sách Nhà nước cấp và nguồn thu học phí, lệ phí. Ngoài ra, nhà trường còn có một số nguồn thu khác nhưng chiếm tỷ trọng không đáng kể. Căn cứ vào quyết định giao dự toán hàng năm và dựa vào số liệu đã thực hiện các nhiệm vụ của năm trước liền kề, nhà trường tiến hành phân bổ chi tiết nguồn thu cho các nhiệm vụ đã đề ra theo kế hoạch, trên tinh thần sử dụng tiết kiệm, hiệu quả. Các nguồn thu gắn liền với hoạt động đào tạo nhằm khai thác mọi nguồn lực tài chính của Trường, đảm bảo bù đắp chi phí phục vụ đào tạo và nâng cao đời sống CB, GV, CNV [7.2.01 - Hồ sơ, sổ sách về quản lý tài chính của trường].

Nguồn thu của Nhà trường được quản lý tập trung đúng quy định; mọi khoản thu, chi đều được phản ánh đầy đủ, kịp thời trên báo cáo quyết toán tài chính hàng năm [7.2.02 - Báo cáo tài chính của Trường các năm]. Việc sử dụng và phân bổ nguồn thu được Liên đoàn Lao động Tỉnh phê duyệt, và có trách nhiệm về nghĩa vụ nộp thuế đầy đủ cho nhà nước.

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn7.3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường***

Nguồn thu của nhà trường có hai nguồn chính đó là từ nguồn ngân sách Nhà nước cấp và nguồn thu học phí, lệ phí. Ngoài ra, nhà trường còn có một số nguồn thu khác nhưng chiếm tỷ trọng không đáng kể.

Ngoài ra, hằng năm trong dự toán kinh phí được duyệt, Trường đều bố trí và tăng dần nội dung chi cho các hoạt động đào tạo, các khoản thu nhập và phúc lợi của CB, GV, CNV đều được đảm bảo và có chiều hướng tăng lên [7.1.01 - Báo cáo công tác tài chính tại hội nghị sơ kết, tổng kết năm, hội nghị công chức, viên chức, người lao động].

Nhà trường luôn có kế hoạch khai thác các nguồn tài chính, phân bổ hợp lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính nhằm đảm bảo đủ kinh phí chi thường xuyên cho hoạt động của Trường.

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 7.4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.***

Việc quản lý sử dụng, thanh quyết toán các nguồn tài chính được thực hiện đúng theo yêu cầu của cấp trên và đúng theo nguyên tắc chế độ tài chính hiện hành. Các nguồn tài chính được Trường quản lý chặt chẽ, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định, được phản ánh đầy đủ trong báo cáo tài chính hàng năm [7.2.02 - Báo cáo tài chính hàng năm].

Ngoài ra công tác quản lý và sử dụng tài sản hằng năm được Trường tiến hành kiểm kê đánh giá tài sản, hàng hóa vật tư, công cụ dụng cụ theo qui định. Hội đồng kiểm kê được thành lập [1.6.03 - Quyết định thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản], toàn bộ nội dung kiểm kê, xử lý tài sản hư hỏng, mất mát được thực hiện theo đúng qui định của nhà nước [7.4.01 - Quyết định thanh lý tài sản]; [7.4.02 - Danh sách tài sản được thanh lý]

Việc mua sắm tài sản, máy móc thiết bị, vật tư học tập và các khoản thanh toán khác phục vụ hoạt động trong Trường đều được thực hiện đúng theo qui trình và pháp luật [7.4.03 - Báo cáo tài chính được kiểm toán]. Nhiều năm qua, trong Trường không để xảy ra tình trạng tham ô, quyền lợi về tài chính của người lao động đều được công khai [7.4.04 - Biên bản kiểm tra quyết toán].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 7.5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.***

Năm 2022 thực hiện kiểm tra, xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2021 nhà trường đã thực hiện đảm bảo theo dự toán của cấp có thẩm quyền giao [7.5.01 - Thông báo xét duyệt quyết toán năm 2022].

Truòng thực hiện công khai tài chính hằng tháng, hằng năm thông qua các cuộc họp giao ban và trong các báo cáo sơ kết, tổng kết năm học [7.4.03 - Báo cáo tài chính các năm đã được kiểm toán].

Kết quả các đợt thanh tra, kiểm tra của Liên đoàn Lao động Tỉnh đối với công tác tài chính của nhà trường trong những năm qua cho thấy nhà trường không vi phạm các quy định về quản lý tài chính và đảm bảo sử dụng kinh phí theo đúng quy định và hiệu quả cao.

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 7.6: Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.***

Hàng năm, Nhà trường đều tiến hành thực hiện tổ chức công khai tài chính trước toàn thể hội nghị công nhân viên chức, lao động theo quy định. Việc công khai tài chính là nhiệm vụ bắt buộc trong công tác quản lý tài chính, thể hiện tính minh bạch, khách quan và trung thực trong việc chấp hành các chế độ, chính sách và các hoạt động thu, chi tài chính trong Nhà trường, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát và theo dõi các hoạt động thu, chi nội bộ Nhà trường. Kết thúc năm tài chính, phòng Tài vụ báo cáo đánh giá tình hình sử dụng nguồn tài chính của trường theo quy định [7.6.01- Báo cáo đánh giá tình hình sử dụng nguồn tài chính các năm]

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

## 3.2.8. Tiêu chí 8 : Dịch vụ người học

Hoạt động tự đánh giá liên quan đến dịch vụ người học luôn được nhà trường quan tâm, tổ chức triển khai một cách đồng bộ, có hệ thống và đã đạt được những kết quả nhất định. Trường cung cấp đầy đủ, kịp thời các văn bản qui định của Nhà nước, nội quy và quy chế của nhà trường đến từng HSSV, giúp HSSV hiểu rõ mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo và các yêu cầu khác về kiểm tra, đánh giá đối với người học. Người học được đảm bảo các chế độ chính sách xã hội theo quy định của nhà nước khi học tại trường và được chăm sóc sức khỏe theo quy định về y tế học đường, được tạo điều kiện hoạt động, tham gia các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và được đảm bảo an toàn trong trường học. HSSV được trang bị đủ kiến thức để hiểu biết và tôn trọng pháp luật, thực hiện tốt các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chấp hành tốt quy chế đào tạo. Người học được tạo mọi điều kiện để tham gia vào những họat động của Đoàn, Câu lạc bộ và có môi trường tu dưỡng, rèn luyện phấn đấu vào Đảng. Nhà trường có phân công cán bộ chuyên trách công tác tư vấn, hướng nghiệp và giới thiệu việc làm cho học viên tốt nghiệp về công tác tại các doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp với người học.

\* Những điểm mạnh:

Trường đã cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời các văn bản quy định của nhà nước đối với người học, các quy chế, quy định của Trường, từ đó giúp HSSV hiểu rõ quy chế đào tạo và các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học. HSSV được đảm bảo hưởng mọi chế độ chính sách xã hội và quyền lợi theo quy định hiện hành, được bố trí ở ký túc xá theo nguyện vọng không phân biệt dân tộc, tôn giáo. Trường công khai các quy định thực hiện nội dung khen thưởng, khuyến khích học tập trong học tập, rèn luyện đối với HSSV và tổ chức thực hiện đúng quy định. Trường luôn triển khai nhiều hoạt động ngoại khóa đa đạng nhằm tạo thêm sân chơi để sinh viên có thể giao lưu học hỏi và trao đổi kiến thức. Công tác tư vấn hướng nghiệp và tổ chức ngày hội việc làm là công việc thường xuyên, được tổ chức định kỳ hàng năm có nhiều doanh nghiệp quan tâm tham dự.

\* Những tồn tại:

Nguồn kinh phí cho các hoạt động hỗ trợ HSSV còn hạn chế, đôi khi công tác hỗ trợ HSSV chưa kịp thời.

Công tác hướng nghiệp chưa đạt hiệu quả cao.

\* Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Tăng cường các biệp pháp nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, giải quyết kịp thời các vướng mắc, khó khăn của HSSV; tiếp tục hợp tác và vận động các nguồn lực hỗ trợ học tập, hoạt động phong trào từ các nhà hảo tâm, các doanh nghiệp, các cựu HSSV của Trường để tiếp tục duy trì học bổng tài trợ cho học viên có hoàn cảnh khó khăn.

Nâng cao chất lượng của bộ phận tư vấn tuyển sinh, giới thiệu việc làm kết nối các Doanh nghiệp giúp HSSV tốt nghiệp tìm kiếm việc làm; Tăng cường tổ chức các hoạt động giới thiệu việc làm cho HSSV tốt nghiệp.

***Tiêu chuẩn 8.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định***

Hằng năm, Trường đều cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ chính sách đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học cho HSSV vào đầu mỗi khóa học. Các thông tin trên được in trong cuốn sổ tay HSSV [1.12.02 - Sổ tay học viên]; được phổ biến cho HSSV vào đầu mỗi khóa học trong tuần sinh hoạt công dân đầu năm, đầu khóa [8.1.01 - Kế hoạch sinh hoạt chính trị đầu năm].

Các thông tin chung HSSV cần biết ngoài việc được công bố trên website của trường, được các GVCN triển khai trong buổi sinh hoạt lớp, còn được thông báo trên website, bảng tin nội bộ của các phòng chức năng, bộ môn [8.1.02 - Website của Trường].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 8.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định***

Ngay từ đầu khóa học, HSSV được phổ biến đầy đủ và kịp thời các văn bản về chế độ, chính sách xã hội có liên quan đến người học, đồng thời được hướng dẫn cách làm hồ sơ, thủ tục để được hưởng các chế độ chính sách hiện hành theo quy định. Trường đã triển khai các thông báo hướng dẫn thực hiện miễn giảm học phí theo nghị định của Chính phủ cho HSSV trường.

Ngoài ra, HSSV được hướng dẫn và tạo điều kiện thuận lợi để hoàn tất các thủ tục vay vốn tín dụng học tập theo quy định. Trường có xét duyệt cấp học bổng khuyến khích học tập… [8.2.01 - Danh sách cấp học bổng khuyến khích học tập], thực hiện có hiệu quả hỗ trợ cho HSSV yên tâm học tập; danh sách HSSV nhận học bổng được công bố công khai trên các bảng thông báo và website của trường.

Nhà trường sẵn sàng sắp xếp KTX cho những HSSV có nhu cầu đăng ký nội trú ký túc xá.

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 8.3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.***

Trường đã có chính sách khen thưởng, động viên, khuyến khích những HSSV đạt kết quả tốt trong học tập rèn luyện. Cụ thể là các quyết định khen thưởng HSSV hàng năm, danh sách nhận học bổng… [1.3.02 - Quy chế chi tiêu nội bộ của trường]; [8.3.01 - Các Quyết định khen thưởng HSSV].

Ngoài ra, trường còn có những hỗ trợ khác đối với các em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế như: miễn học phí, miễn lệ phí ký túc xá để các em hoàn thành nhiệm vụ học tập trong quá trình học tập tại trường [8.3.02 - Danh sách học sinh có hoàn cảnh khó khăn các năm].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 8.4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.***

Nhà trường thực hiện tuyển sinh đào đạo không phân biệt giới tính, tôn giáo hay nguồn gốc xuất thân nên trong thời gian học tại trường, HSSV được tôn trọng và đối xử bình đẳng... Được tạo điều kiện trong học tập và rèn luyện, được hưởng các chế độ chính sách ưu tiên theo quy định của Nhà nước, được xét nhận học bổng. Được trực tiếp kiến nghị với nhà trường các giải pháp góp phần xây dựng Nhà trường, được đề đạt nguyện vọng và khiếu nại lên Hiệu trưởng giải quyết các vấn đề có lên quan đến quyền lợi, lợi ích chính đáng của HSSV [8.4.01 - Quy định về chế độ chính sách ưu tiên]; [8.4.02 - Thống kê số lượng HSSV theo dân tộc, tôn giáo đang học tại trường các năm].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 8.5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.***

Trường có khu ký túc xá 4 tầng ngay trong khuôn viên trường với diện tích sàn 6.195m2, đảm bảo chỗ ở cho hầu hết HSSV tham gia học tập tại trường; [8.5.01 - Hồ sơ, bản vẽ khu ký túc xá].

Ký túc xá tại Trường đều được trang bị đầy đủ điện, nước, thiết bị vệ sinh, internet đảm bảo các điều kiện tối thiểu cho sinh hoạt và học tập cho HSSV [8.5.02 - Báo cáo trang thiết bị tại KTX các năm].

Ký túc xá của Trường đều đảm bảo an ninh, trật tự.

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 8. 6:* *Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.***

Nhà trường có bộ phận y tế trực thuộc phòng Tổ chức - Hành chính, cán bộ chuyên trách được đào tạo bài bản, chuyên môn tốt. Cán bộ y tế thường trực hàng ngày sẵn sàng phục vụ nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của học sinh sinh viên [8.6.01 - Trích ngang cán bộ y tế].

Ngoài ra HSSV khi đến nhập học được nhà trưởng tổ chức khám sức khỏe, mua thẻ bảo hiểm y tế đầy đủ và kịp thời [8.6.02 - Thông báo khám sức khỏe HSSV]; [8.6.03 - Danh sách HSSV đăng ký mua bảo hiểm hàng năm].

Căng tin của Trường được sử dụng dựa trên việc ký kết hợp đồng với cá nhân nhận khoán có điều khoản quy định đảm bảo nguyên tắc an toàn vệ sinh thực phẩn [8.6.04 - Hợp đồng căng tin]. Trong các năm qua căng tin chưa xay ra vụ ngộ độc thực phẩm nào.

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 8.7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.***

Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao được Trường tổ chức thường xuyên trong năm như: hội diễn văn nghệ, hội thao, … chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Lễ khai giảng năm học, và các ngày lễ lớn trong năm [8.7.01 - Các kế hoạch tổ chức Hội diễn văn nghệ, hội thao, kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm, lễ khai giảng].

Đoàn TNCSHCM trường đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của một tổ chức chính trị trong Trường. Đoàn đã tạo môi trường thuận lợi cho đoàn viên, thanh niên rèn luyện, cống hiến và trưởng thành bằng các chương trình hành động thiết thực [8.7.02 - Chương trình hành động của Đoàn Thanh niên Trường các năm].

Công tác an ninh trường học cũng được nhà trường đặc biệt quan tâm. Hàng năm, nhà trường phối hợp chặt chẽ với các cơ quan an ninh địa phương trong công tác đảm bảo an ninh trật tự trường học, xử lý các vụ việc liên quan đến HSSV [8.7.03 - Biên bản làm việc giữa Nhà trường với an ninh địa phương]

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 8.8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.***

Để hỗ trợ người học sau khi tốt nghiệp tìm việc làm, nhà trường thành lập Ban Tuyển sinh và tư vấn việc làm đóng vai trò là cầu nối giữa nhà trường với các cơ quan doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nhằm tư vấn, hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm, thực tập rèn luyện nghề nghiệp [1.3.01 - Quyết định thành lập Ban tuyển sinh]

Nhà trường thực hiện tư vấn cho người học sau khi tốt nghiệp bằng các hình thức khác nhau như: tổ chức các buổi tư vấn trực tiếp, phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức ngày hội việc làm nhằm hỗ trợ HSSV có việc làm sau tốt nghiệp dễ dàng hơn [8.8.01 - Kế hoạch tổ chức các buổi tư vấn trực tiếp, tổ chức ngày hội việc làm].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 8.9: Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.***

Hằng năm, Trường đều phối hợp tham gia ngày hội tuyển dụng do Tỉnh, Thành phố tổ chức nhằm cung cấp thông tin và tạo điều kiện cho HSSV gặp gỡ các doanh nghiệp, được tư vấn trực tiếp về việc làm và các chế độ có liên quan [8.8.02 - Kế hoạch tổ chức các buổi tư vấn trực tiếp, tổ chức ngày hội việc làm]; [8.9.01 - Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tổ chức ngày hội việc làm các năm].

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

## 3.2.9. Tiêu chí 9 : Giám sát, đánh giá chất lượng

Chất lượng đào tạo là một nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển lâu dài của nhà trường. Giám sát và đánh giá chất lượng có vai trò hết sức quan trọng đối với công tác tổ chức và quản lý các hoạt động đào tạo, là một khâu rất quan trọng trong quá trình đảm bảo chất lượng đào tạo. Nhận thức được tầm quan trọng này, trong những năm qua, Trường đã luôn quan tâm đến công tác giám sát, đánh giá chất lượng và đã áp dụng nhiều biện pháp để nâng cao chất lượng đào tạo. Hàng năm, Trường tiến hành tự kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng dẫn của Tổng cục GDNN; Trường có tổ chức khảo sát lấy ý kiến của các doanh nghiệp; CBQL, GV, CNV và HSSV của trường về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp, về các chính sách liên quan đến hoạt động đào tạo, về chất lượng, hiệu quả của các phương thức đào tạo, chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học.

\* Những điểm mạnh:

Trường tổ chức lấy ý kiến của các đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động; lấy ý kiến của CBQL,GV, NLĐ về các chính sách liên quan đến dạy và học, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm CBQL,GV, NLĐ; lấy ý kiến HSSV về chất lượng, hiệu quả của các phương thức đào tạo, chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học; Trường có kế hoạch và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kiểm định chất lượng.

\* Những tồn tại:

Việc điều tra, thống kê số liệu HSSV tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề được đào tạo được tiến hành định kỳ theo kế hoạch, tuy nhiên số lượng HSSV được điều tra chưa cao do công tác khảo sát lần vết sinh viên gặp nhiều khó khăn vì học sinh sinh viên ra trường thay đổi chỗ làm, thay số điện thoại nhiều nên rất khó tiếp cận.

\* Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Tiếp tục tổ chức giám sát, đánh giá chất lượng và có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo; Xây dựng phương pháp khảo sát hiệu quả, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thu thập ý kiến của các doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp khi làm việc tại các đơn vị và thống kê số liệu HSSV tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề được đào tạo; Tiếp tục tổ chức hoạt động tự kiểm định chất lượng trường và các chương trình đào tạo theo quy định; mời tổ chức kiểm định độc lập đánh giá ngoài.

***Tiêu chuẩn 9.1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.***

Trường có lập kế hoạch khảo sát, thu thập ý kiến của các đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp khi làm việc tại các đơn vị. Trường đã thu thập ý kiến của đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp [9.1.01 – Danh sách các doanh nghiệp được khảo sát lấy ý kiến về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp];

Ngoài việc lấy ý kiến các đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp, Trường còn thu thập ý kiến của HSSV tốt nghiệp về mức độ đáp ứng việc làm tại các đơn vị sử dụng lao động [9.1.02 - Tổng hợp kết quả khảo sát về mức độ đáp ứng việc làm của HSSV sau khi tốt nghiệp].

Kết quả khảo sát, lấy ý kiến của các đơn vị sử dụng lao động và HSSV tốt nghiệp là cơ sở để Trường điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu của xã hội và đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp.

Tuy việc tổ chức lấy ý kiến của các đơn vị sử dụng lao động đã được thực hiện, nhưng không thường xuyên và số lượng đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến còn ít.

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 9.2: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.***

Hiện tại phòng TTKT&ĐBCL chưa triển khai thu thập được ý kiến phản hồi của giáo viên, cán bộ chuyên viên quản lý về việc xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng giáo viên, viên chức của nhà trường.

**Điểm tự đánh giá: 0 điểm**

***Tiêu chuẩn 9.3: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.***

Hằng năm, Trường đều tổ chức thu thập ý kiến của HSSV về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng dịch vụ, hoạt động giảng dạy của giảng viên và việc thực hiện chính sách đối với người học của Trường. Đối với HSSV đang học tại Trường, 100% HSSV được khảo sát bằng phiếu nhận xét của học viên, nội dung khảo sát bao gồm chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, hoạt động giảng dạy của giảng viên, chất lượng dịch vụ và việc thực hiện chính sách đối với người học của Trường [9.3.01 - Phiếu khảo sát HSSV về chất lượng đào tạo, giáo viên, về chính sách liên quan đến người học], [9.3.02 - Tổng hợp kết quả khảo sát HSSV];

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 9.4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.***

Hàng năm. Trường đều triển khai thực hoạt động tự kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy định. Để chuẩn bị tốt cho hoạt động này, Trường đã lên Kế hoạch, thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách để thực hiện công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp [9.4.01 - Kế hoạch tự đánh giá các năm]; [1.8.01 - Quyết định thành lập Hôi đồng tự đánh giá, Ban thư ký, các nhóm công tác chuyên trách các năm]; [1.8.02 - Báo cáo tự đánh giá các năm]; [9.4.01 - Hồ sơ minh chứng các năm]

Trong quá trình triển khai công tác tự đánh giá, Trường đã căn cứ vào các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Bộ LĐ-TB&XH để tiến hành xem xét, tự đánh giá về thực trạng chất lượng và hiệu quả của các hoạt động của Trường, chỉ ra mặt mạnh và mặt hạn chế, từ đó xây dựng kế hoạch hành động cho phù hợp nhằm thực hiện tốt các mục tiêu đã đề ra.

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 9.5: Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.***

Hằng năm, Trường đều tổ chức triển khai các hoạt động cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo thông qua các hoạt động thường xuyên; tổ chức dự giờ thường xuyên nhằm đánh giá và rút kinh nghiệm về phương pháp dạy và học [2.8.03 - Kế hoạch dự giờ và biên bản dự giờ các giáo viên].

Nhà trường tiến hành điều chỉnh CTĐT cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn, đáp ứng nhu cầu đổi mới [4.7.01 - Kế hoạch điều chỉnh chương trình đào tạo]. Chương trình Đào tạo được điều chỉnh theo hướng giảm bớt khối lượng và chương trình trên cơ sở xem xét giảm bớt nội dung và thời lượng của một số học phần không còn phù hợp; giảm các giờ học lý thuyết, tăng cường giờ học thảo luận, thực hành tại các xưởng thực hành và tại các Doanh nghiệp [4.7.03 - Chương trình đào tạo đã được điều chỉnh]

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

***Tiêu chuẩn 9.6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.***

Hằng năm, Trường đều xây dựng kế hoạch và tổ chức khảo sát về tỷ lệ HSSV có việc làm; có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo kể từ khi tốt nghiệp [9.6.01 - Kế hoạch khảo sát việc làm của HSSV sau khi tốt nghiệp].

Qua kết quả nhận được từ phiếu khảo sát việc làm của HSSV sau khi tốt nghiệp cho thấy, tỷ lệ HSSV có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo sau 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp trong năm 2020 đạt …. % [9.6.02 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát việc làm của HSSV sau khi tốt nghiệp];

**Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

PHẦN III

# TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GDNN

Hoạt động tự kiểm định của Trường Cao đẳng Knh tế - Kỹ thuật số 1 Nghệ An được tổ chức theo đúng các văn bản hướng dẫn của Bộ LĐ-TB&XH. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nhà trường đã căn cứ vào các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường Cao đẳng được quy định trong Thông tư số 28/2017/TTBLĐTBXH ngày 15/12/2017 và các văn bản pháp quy khác.

Với tinh thần nghiêm túc, trung thực, khách quan, nhà trường đã tổ chức các hoạt động tự kiểm định một cách toàn diện và đầy đủ; cụ thể là:

- Đã mô tả, làm rõ thực trạng của nhà trường trên từng lĩnh vực;

- Tiến hành phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu và đưa ra những nhận định; chỉ ra những điểm mạnh, tồn tại và những biện pháp khắc phục;

- Đã hoạch định bằng các giải pháp cụ thể và lập kế hoạch nâng cao chất lượng để cải tiến, nâng cao chất lượng nhà trường trong giai đoạn sau kiểm định.

**Tổng hợp kế hoạch nâng cao chất lượng nhà trường:**

1. Công tác tuyển sinh:

- Đánh giá công tác tuyển sinh hàng năm, rút kinh nghiệm tìm ra giải pháp tối ưu để đẩy mạnh công tác tuyển sinh;

- Tích cực tuyên truyền quảng bá hình ảnh, thương hiệu của nhà trường để công tác tuyển sinh thuận lợi hơn.

2. Mục tiêu, chương trình đào tạo:

- Đổi mới và cải tiến mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo, thường xuyên cập nhật nội dung giảng dạy đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp và xã hội; đẩy mạnh phương thức đào tạo kết hợp giữa nhà trường và doanh nghiệp.

3. Chất lượng và hiệu quả đào tạo:

- Tập trung đào tạo đảm bảo chất lượng HSSV ra trường phù hợp và đáp ứng với nhu cầu của doanh nghiệp và xã hội.

4. Phương pháp giảng dạy:

- Đổi mới thực sự và có hiệu quả phương pháp giảng dạy theo hướng HSSV chủ động tự học, tự nghiên cứu, tự rèn luyện tay nghề.

5. Quan hệ doanh nghiệp:

- Tạo mối liên kết chặt chẽ giữa nhà trường và doanh nghiệp, từ đó thúc đẩy quá trình đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội và doanh nghiệp;

- Đẩy mạnh hoạt động quan hệ doanh nghiệp, gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp trong tổ chức đào tạo qua đó giải quyết việc làm cho HSSV.

6. Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế:

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học cả về số lượng và chất lượng; tăng cường phối hợp với các doanh nghiệp trong việc nghiên cứu các đề tài mang tính ứng dụng trong xu thế hội nhập;

- Tăng cường tìm kiếm, đẩy mạnh liên kết hợp tác với các cơ sở đào tạo ở khu vực và

quốc tế nhằm phát triển chuyên sâu các ngành đào tạo chủ lực của trường.

7. Tổ chức bộ máy, phát triển đội ngũ CBVC:

- Tinh gọn bộ máy tổ chức, tinh giảm cán bộ và nhân viên nghiệp vụ; nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy tổ chức quản lý và kỹ năng làm việc của đội ngũ CBCNV;

- Đẩy mạnh hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cho CB, GV, CNV; ưu tiên tuyển dụng, đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, chuyên gia đầu ngành đáp ứng mục tiêu nâng cao chất lượng.

8. Xây dựng cơ sở vật chất:

- Hoàn thành dự án Khu giáo dục thể chất.

- Tiếp tục đầu tư mua sắm bổ sung dụng cụ, máy móc thiết bị đủ về số lượng, hiện đại, phù hợp với sự phát triển chung của xã hội hiện tại cho các ngành nghề đào tạo của nhà trường đáp ứng tiêu chuẩn Quốc gia với một số nghề trọng điểm. Tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, bảo dưỡng thường xuyên các thiết bị hiện có.

- Nâng cấp cơ sở vật chất cho thư viện, tiến tới sử dụng phần mềm quản lý thư viện

9. Hoạt động tài chính:

- Đẩy mạnh công tác quản trị tài chính, tích cực tìm kiếm nguồn tài chính bên ngoài để phát triển nhà trường;

- Hoàn thiện công tác tự chủ tài chính của nhà trường, cân đối nguồn thu, đảm bảo chi tiêu hợp lý, tiết kiệm.

# PHẦN IV

# KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện tốt kế hoạch đào tạo năm học 2023 - 2024 và những năm tiếp theo, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, thu hút HSSV vào học và giải quyết việc làm cho HSSV sau đào tạo, Nhà trường kính đề nghị:

\* Đối với Tổng Liên đoàn, Liên đoàn Lao động Nghệ An:

- Xác định rõ cấp quản lý về tổ chức bộ máy và biên chế viên chức được giao của Trường để bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho cán bộ, nhân viên và giáo viên.

- Sớm phê duyệt Đề án vị trí việc làm và Phương án tự chủ để đơn vị có cơ sở pháp lý trong hoạt động.

- Để tạo điều kiện về cơ sở vật chất cho hoạt động đào tạo của Nhà trường trong giai đoạn chuyển giao dần cơ chế tự chủ, đề nghị Tổng Liên đoàn bố trí kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất xuống cấp (đã có trong nội dung Kết luận số 42 của Tổng liên đoàn).

- Tổng LĐLĐ Việt Nam, LĐLĐ tỉnh Nghệ An hỗ trợ kinh phí để hoàn thiện chương trình trung hạn 2020 - 2023 cho các hạng mục Ngân sách Nhà nước bố trí nguồn kinh phí còn thiếu 3,5 tỷ đồng.

\* Đối với Nhà nước:

- Ngân sách Nhà nước hỗ trợ phần chênh lệch giữa thu, chi sự nghiệp theo dự toán năm đầu thực hiện tự chủ, tạo điều kiện cho Trường thực hiện lộ trình tăng dần mức thu học phí và các nguồn thu khác để tăng dần mức tự chủ giai đoạn 2022 - 2026 sau khi Phương án tự chủ tài chính được phê duyệt.

- Được Nhà nước ưu tiên đặt hàng, giao nhiệm vụ theo kết quả đầu ra đối với các dịch vụ đào tạo các nghề sử dụng ngân sách Nhà nước.

- Tiếp tục thực hiện chương trình mục tiêu GDNN-VL và ATLĐ cho các nghề trọng điểm, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Cảnh Thịnh**